

## Đề cương bảo hiểm

Câu 1. Vai trò của bảo hiểm trong nền kinh tế thị trường, so sánh bảo hiểm xã hội với bảo hiểm thương mại.

*\*Vai trò của bảo hiểm trong nền kinh tế thị trường*

*a. Bảo hiểm góp phần ổn định tài chính và đảm bảo cho các khoản đầu tư*

Từ khi các loại hình bảo hiểm ra đời cho đến nay đã chứng minh, bảo hiểm góp phần to lớn trong việc ổn định tài chính cho các cá nhân và các tổ chức tham gia bảo hiểm. Có thể là ổn định về thu nhập cũng có thể là ổn định về tài chính. Khi rủi ro hay sự kiện bảo hiểm xảy ra đối với đối tượng bảo hiểm, nếu bị tổn thất các cơ quan hay doanh nghiệp bảo hiểm sẽ trợ cấp hoặc bồi thường kịp thời để người tham gia nhanh chóng khắc phục hậu quả, ổn định cuộc sống và sản xuất làm cho sản xuất kinh doanh phát triển bình thường. Điều đó thể hiện vai trò bù đắp thiệt hại và khắc phục tổn thất của bảo hiểm. Nói đến bảo hiểm là nói đến khả năng bồi thường khi có tổn thất xảy ra, và vai trò của các công ty bảo hiểm là cung cấp các loại dịch vụ đặc biệt nhằm khôi phục khả năng vật chất, tài chính như trước khi xảy ra rủi ro, hoặc bồi thường cho người thụ hưởng trong hợp đồng bảo hiểm con người. Khi có tổn thất xảy đến với đối tượng được bảo hiểm thì nhiệm vụ cơ bản của bảo hiểm là khắc phục những hậu quả đó, ổn định đời sống và quá trình sản xuất - kinh doanh.

Vai trò này đáp ứng được mục tiêu kinh tế của người tham gia nên đối tượng tham gia ngày càng đông đảo. Trong các nền kinh tế hiện đại, bảo hiểm còn trực tiếp đảm bảo cho các khoản đầu tư. Nhà kinh tế học người Pháp Jerome Yeatman đã viết: “Không phải các kiến trúc sư mà là các nhà bảo hiểm đã xây nên Newyork, chính là vì không một nhà đầu tư nào dám mạo hiểm hàng tỷ đô la cần thiết để xây dựng những tòa nhà chọc trời ở Manhattan mà lại không có đảm bảo được bồi thường nếu hỏa hoạn hoặc sai phạm về xây dựng xảy ra. Chỉ có các nhà bảo hiểm mới dám đảm bảo điều đó nhờ cơ chế bảo hiểm.” Điều này đúng với hầu hết các loại đầu tư như đầu tư xây dựng các giàn khoan dầu khí, đầu tư thiết kế và sản xuất các loại vệ tinh, đầu tư xây dựng siêu thị. Hầu hết các dự án đầu tư hiện nay đòi hỏi phải có bảo hiểm. Không có sự đảm bảo của bảo hiểm thì các chủ đầu tư mà nhất là các ngân hàng liên quan sẽ không dám mạo hiểm đầu tư vốn cho dự án.

*b. Bảo hiểm là một trong những kênh huy động vốn rất hữu hiệu để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.*

Trong cuộc sống cũng như trong kinh doanh, người ta luôn phải tính đến những rủi ro có thể gặp phải, và luôn muốn chủ động trong tình huống xấu nhất. Việc tự khắc phục rủi ro đòi hỏi các cá nhân, tổ chức phải bỏ ra một khoản tiền lớn lập quỹ dự phòng. Xét trên toàn xã hội, tổng các quỹ dự phòng sẽ là một khoản tiền không nhỏ, có khả năng sinh lợi lớn nếu đem đầu tư. Các cơ quan và DNBH thu phí bảo hiểm trước khi rủi ro và sự kiện bảo hiểm xảy ra đối với đối tượng bảo hiểm. Điều đó cho phép họ có một số tiền rất lớn và cần phải quản lý chặt chẽ để đảm bảo quyền lợi cho người tham gia bảo

hiểm. Ngoài ra giữa thời điểm xảy ra rủi ro do tổn thất và thời điểm chi trả hoặc bồi thường luôn có khoảng cách. Khoảng cách thời gian này có thể kéo dài nhiều năm. Khi đó số phí thu được phải dựa vào dự trữ dự phòng và phải đem đầu tư để thu lãi.

Vốn là yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất - kinh doanh trong nền kinh tế thị trường. Một nền kinh tế muốn tăng trưởng thì phải có một thị trường vốn phát triển lành mạnh, các kênh thu hút vốn đa dạng để có thể đáp ứng tối đa nhu cầu về vốn. . Ngày nay, các công ty bảo hiểm là một kênh huy động vốn không thể thiếu của nền kinh tế và đang ngày càng được khai thác một cách hiệu quả, do phạm vi hoạt động rộng, các loại hình bảo hiểm phong phú. Thông qua các hợp đồng bảo hiểm, các công ty bảo hiểm đã tập trung lượng tiền phân tán rải rác thành những quỹ tiền tệ khá lớn. Quỹ bảo hiểm đã trở thành một định chế tài chính trung gian quan trọng trên thị trường vốn. Đặc biệt, thông qua loại hình bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm đã khuyến khích các tầng lớp nhân dân tăng cường tiết kiệm và qua đó đã thu hút được một khối lượng lớn vốn nhàn rỗi để đầu tư.

Điều đó khẳng định vai trò huy động vốn để đầu tư của toàn ngành bảo hiểm là vô cùng quan trọng đối với các nền kinh tế

#### *c. Bảo hiểm góp phần ổn định và tăng thu cho ngân sách nhà nước*

Với các loại quỹ bảo hiểm ngày càng tăng do người tham gia đóng góp, các cơ quan, DNBH sẽ trợ cấp hoặc bồi thường kịp thời cho họ để ổn định đời sống và sản xuất. Vì vậy ngân sách Nhà nước không phải chi tiền để trợ cấp cho các thành viên, các doanh nghiệp khi gặp rủi ro. Mặt khác, các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm thương mại còn có trách nhiệm đóng góp vào ngân sách thông qua các loại thuế. Hàng năm, thông qua việc nộp thuế, bảo hiểm đã đóng góp một phần không nhỏ vào ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó, bảo hiểm đã góp phần tiết kiệm cho ngân sách thông qua việc tốt khâu phòng ngừa và hạn chế tổn thất, giúp bảo vệ tối đa tài sản công cộng, giảm đến mức thấp nhất những thiệt hại đáng tiếc. Điều này giúp nhà nước giảm bớt chi tiêu những khoản lớn để bù đắp những tổn thất như phải xây dựng đường xá, cầu cống, nhà xưởng, công trình... ngoài ra, một thị trường bảo hiểm phát triển mạnh mẽ và ổn định sẽ thu hút các cá nhân và tổ chức mua bảo hiểm của công ty bảo hiểm trong nước, góp phần tiết kiệm một khoản ngoại tệ lớn cho ngân sách nhà nước.

#### *d. Tạo tâm lý an tâm trong kinh doanh cuộc sống*

Khi kinh doanh ngày càng phát triển, đời sống xã hội ngày càng được nâng cao thì người ta càng có nhu cầu được đảm bảo an toàn cho tương lai. Môi trường kinh doanh cũng như môi trường xã hội đang dần xuất hiện những rủi ro mới. Những rủi ro thiên nhiên như bão lũ, hạn hán, cháy rừng tự nhiên... đang trở lên hết sức phức tạp. Thế giới đang biến triển hết sức phức tạp, khó đoán như chiến tranh, khủng bố, xung đột. trong tình hình như vậy, bảo hiểm chính là một giải pháp hữu hiệu, góp phần tích cực tạo ra tâm lý an tâm trong kinh doanh trong cuộc sống cho con người. Đối với sự phát triển kinh tế, bảo hiểm có vai trò như một đòn bẩy tâm lý, giúp ổn định quá trình đầu tư của các doanh nghiệp, tăng khả năng phát triển đối với nền kinh tế.

Ở một quốc gia có nền kinh tế phát triển mạnh, thì hệ thống bảo hiểm của nó cũng phát triển một cách tương xứng để có thể đáp ứng được những yêu cầu khắt khe của nền kinh tế. Và ngược lại, một hệ thống bảo hiểm tốt có thể giúp cho nền kinh tế phát triển đi lên bằng các nghiệp vụ của mình. Các nghiệp vụ này, một phần giúp thu được nguồn tiền còn nhàn rỗi trong dân chúng, mặt khác, bảo hiểm còn có thể thu được 1 lượng tiền không nhỏ từ các doanh nghiệp để đem đi đầu tư và phát triển các lĩnh vực khác (mà ở đây thường là bất động sản và chứng khoán, hoặc các hoạt động phúc lợi xã hội khác), giúp tạo nên một cơ sở hạ tầng ngày càng vững chắc cho sự phát triển của kiến trúc thượng tầng phía trên của nền kinh tế. Đồng thời, bảo hiểm (tất nhiên là bảo hiểm tốt) còn có thể coi đó là một cam kết, một thỏa thuận giúp cho nền kinh tế phát triển ổn định và bền vững.

\* So sánh bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thương mại.

Những điểm giống nhau cơ bản sau:

Về sự hình thành và sử dụng quỹ của hai loại bảo hiểm này được thực hiện trên cùng một nguyên tắc là: có tham gia tạo lập hay đóng góp vào quỹ thì mới được hưởng quyền lợi.

Mục đích hoạt động cũng nhằm để hỗ trợ cho các đối tượng tham gia bảo hiểm một khoản kinh phí nhất định theo quy định khi họ gặp những khó khăn về tài chính do một nguyên nhân nào đó đối với họ.

Hoạt động của hai loại bảo hiểm này đều mang tính cộng đồng, nguyên tắc “lấy số đông bù số ít” – tức là dùng số tiền đóng góp của số đông người tham gia để bù đắp, chia sẻ cho một số ít người gặp phải biến cố rủi ro gây ra tổn thất.

Những điểm khác biệt :

Tiêu thức

Bảo hiểm thương mại

Bảo hiểm xã hội

Phi nhân thọ

Nhân thọ

Mục tiêu

Hạn chế hậu quả rủi ro, kinh doanh vì lợi nhuận.

Không vì lợi nhuận, thực hiện các chính sách xã hội, đảm bảo cho người lao động có khoản trợ cấp thiết yếu lúc khó khăn.

Tính chất của mối quan hệ bảo hiểm

Đa số là tự nguyện.

Bắt buộc.

Phạm vi

Diễn ra ở tất cả các quốc gia và mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội.

Diễn ra ở từng quốc gia và chỉ liên quan đến người lao động.

Đối tượng

- Tài sản.
- Con người.
- Trách nhiệm nhân sự.

Con người.

Thu nhập của người lao động.

Đối tượng tham gia BH

Con người.

Người lao động và người sử dụng lao động.

Những sự kiện được BH

- Các hư hỏng, thiệt hại về tài sản.
- Ốm đau, tai nạn, nằm viện đối với con người.
- Các nghĩa vụ pháp lý phát sinh.
- Sống đến thời hạn nhất định.
- Ốm đau, thương tật, nằm viện, chế độ chăm sóc.
- Hưu trí.
- Chết.
- Ốm đau.
- Thai sản.
- Thất nghiệp.

- Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

- Tàn phế.

-

Hưu

trí.

- Tử tuất.

Nguồn hình thành quỹ

Người tham gia đóng góp.

- Người lao động.

- Người sử dụng lao động.

- Nhà nước.

- Các nguồn khác ( từ thiện, lãi do đầu tư quỹ nhân rồi...)

Cơ quan quản lý quỹ

Doanh nghiệp bảo hiểm.

Nhà nước hoặc cơ quan bảo hiểm của một tổ chức thuộc nhà nước.

Phí bảo hiểm

Theo cơ chế thị trường và tùy từng loại bảo hiểm, thỏa thuận theo nhu cầu và khả năng của người tham gia bảo hiểm.

Dựa vào chính sách xã hội trong từng thời kỳ của Nhà nước, dựa trên thu nhập của người lao động.

Câu 2. Trình bày những nội dung cơ bản về bảo hiểm xã hội

*Khái niệm*

- Theo Từ điển bách khoa tập I: "Bảo hiểm xã hội là sự bảo đảm sự thay thế hoặc

bù đắp một phần thu nhập cho người lao động khi họ bị mất hoặc giảm khoản thu nhập từ nghề nghiệp do bị mất hoặc giảm khả năng lao động hoặc mất việc làm, thông qua

việc hình thành sử dụng một quỹ tài chính do sự đóng góp của các bên tham gia BHXH, nhằm góp phần bảo đảm an toàn đời sống của người lao động và gia đình họ, đồng thời góp phần bảo đảm an toàn xã hội”.

- Dưới góc độ pháp lý, BHXH là một loại chế độ pháp định bảo vệ người lao động, sử dụng nguồn tiền đóng góp của người lao động, người sử dụng và được sự tài trợ, bảo hộ của Nhà nước, nhằm trợ cấp vật chất cho người được bảo hiểm và gia đình trong trường hợp bị giảm hoặc mất thu nhập bình thường do ốm đau, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thai sản, thất nghiệp, hết tuổi lao động theo qui định của pháp luật hoặc chết.

- Từ góc độ tài chính: BHXH là thuật (kỹ thuật) chia sẻ rủi ro và tài chính giữa những người tham gia bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

- Từ góc độ chính sách xã hội: BHXH là một chính sách xã hội nhằm đảm bảo đời sống vật chất cho người lao động khi họ không may gặp phải các “rủi ro xã hội”, nhằm góp phần đảm bảo an toàn xã hội....

=>> có rất nhiều khái niệm khác nhau về BHXH nhưng nhìn chung có thể hiểu BHXH là sự bù đắp hoặc thay thế phần thu nhập bị mất hoặc giảm của người lao động khi gặp phải những rủi ro xã hội như ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thất nghiệp, tuổi già hoặc chết.. trên cơ sở hình thành 1 quỹ tài chính tập trung có sự tham gia đóng góp của người sử dụng lao động và lao động và có sự hỗ trợ của nhà nước khi cần thiết.

#### \* Bản chất

Phân công cho ghi

BHXH là sự chuyển giao rủi ro của người lao động thông qua đó những thiệt hại về thu nhập mà người lao động phải gánh chịu do những rủi ro xã hội gây ra sẽ được chia sẻ cho các bên tham gia đóng góp BHXH

BHXH là sự phân phối lại thu nhập giữa người lao động và người sử dụng lao động, giữa người lao động với người lao động, giữa những chủ sử dụng lao động với nhau rộng hơn là toàn thể thành viên trong xã hội

Mục đích của BHXH là đảm bảo đời sống cho người lao động và gia đình họ trước những rủi ro có thể xảy ra bằng cách bên cạnh sự đóng góp của người lao động vào quỹ tài chính còn có sự đóng góp của người sử dụng lao động và sự hỗ trợ của nhà nước. đây là đặc điểm đặc thù của BHXH người sử dụng lao động và nhà nước không phải đối tượng được hưởng lợi trực tiếp từ quỹ bảo hiểm

Xét trên khía cạnh kinh tế công, BHXH là một dịch vụ công nhưng được thực hiện theo nguyên tắc phải có đóng thì người lao động mới được hưởng

phần bản chất trong sách giáo trình

BHXXH là nhu cầu khách quan, đa dạng và phức tạp của xã hội, đặc biệt trong xã hội hoạt động theo cơ chế thị trường, mối quan hệ thuê mướn lao động phát triển đến một mức độ nào đó. Kinh tế càng phát triển thì BHXXH càng đa dạng và hoàn thiện

Mối quan hệ giữa các bên trong BHXXH phát sinh trên cơ sở quan hệ lao động và diễn ra giữa 3 bên: Bên tham gia BHXXH, bên BHXXH và bên được BHXXH.

Bên tham gia BHXXH có thể chỉ là người lao động hoặc cả người lao động và người sử dụng lao động.

Bên BHXXH (Bên nhận nhiệm vụ BHXXH) thông thường là cơ quan chuyên trách do Nhà nước lập ra và bảo trợ.

Bên được BHXXH là người lao động và gia đình họ khi có đủ các điều kiện ràng buộc cần thiết.

Những biến cố làm giảm hoặc mất khả năng lao động, mất việc làm trong BHXXH:

Những rủi ro ngẫu nhiên trái với ý muốn chủ quan của con người như: ốm đau, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp...

Những trường hợp xảy ra không hoàn toàn ngẫu nhiên như: Tuổi già, thai sản v.v.... Những biến cố đó có thể diễn ra cả trong và ngoài quá trình lao động.

Phần thu nhập của người lao động bị giảm hoặc mất đi khi gặp phải những biến cố, rủi ro sẽ được bù đắp hoặc thay thế từ một nguồn quỹ tiền tệ tập trung được tồn tích lại. Nguồn quỹ này do bên tham gia BHXXH đóng góp là chủ yếu, ngoài ra còn được sự hỗ trợ từ phía Nhà nước.

Mục tiêu của BHXXH là nhằm thoả mãn những nhu cầu thiết yếu của người lao động trong trường hợp bị giảm hoặc mất thu nhập, mất việc làm. ILO cụ thể hoá như sau:

Đền bù cho người lao động những khoản thu nhập bị mất để đảm bảo nhu cầu sinh sống thiết yếu của họ.

Chăm sóc sức khoẻ và chống bệnh tật.

Xây dựng điều kiện sống đáp ứng các nhu cầu của dân cư và các nhu cầu đặc biệt của người già, người tàn tật và trẻ em.

Với những mục tiêu trên, BHXXH đã trở thành một trong những quyền con người và được Đại hội đồng Liên hợp quốc thừa nhận và ghi vào Tuyên ngôn Nhân quyền ngày 10/12/1948 rằng: "Tất cả mọi người với tư cách là thành viên của xã hội có quyền hưởng bảo hiểm xã hội, quyền đó được đặt cơ sở trên sự thoả mãn các quyền về kinh tế, xã hội và văn hoá nhu cầu cho nhân cách và sự tự do phát triển con người".

Ở nước ta, BHXH là một bộ phận quan trọng trong chính sách bảo đảm xã hội.

### *Chức năng*

- Thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập cho người lao động tham gia bảo hiểm khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do mất khả năng lao động hoặc mất, tạo sự yên tâm thoải mái khi tham gia lao động.

- Tiến hành phân phối và phân phối lại thu nhập giữa những người tham gia BHXH. Tham gia BHXH không chỉ có người lao động mà cả những người sử dụng lao động. Các bên tham gia đều phải đóng góp vào quỹ BHXH. Quỹ này dùng để trợ cấp cho một số người lao động tham gia khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập. Số lượng những người này thường chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng số những người tham gia đóng góp. Như vậy, theo quy luật số đông bù số ít, BHXH thực hiện phân phối lại thu nhập theo cả chiều dọc và chiều ngang. Phân phối lại giữa những người lao động có thu nhập cao và thấp, giữa những người khoẻ mạnh đang làm việc với những người ốm yếu phải nghỉ việc...

=> BHXH góp phần thực hiện công bằng xã hội.

- Góp phần kích thích người lao động hăng hái lao động sản xuất nâng cao năng suất lao động cá nhân và năng suất lao động xã hội. Khi khoẻ mạnh tham gia lao động sản xuất, người lao động được chủ sử dụng lao động trả lương hoặc tiền công. Khi ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, hoặc khi về già đã có BHXH trợ cấp thay thế nguồn thu nhập bị mất. Vì thế cuộc sống của họ và gia đình họ luôn được đảm bảo ổn định và có chỗ dựa. Do đó, người lao động luôn yên tâm, gắn bó tận tình với công việc, với nơi làm việc. Từ đó, họ rất tích cực lao động sản xuất, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh tế.

=> là đòn bẩy kinh tế kích thích người lao động nâng cao năng suất lao động cá nhân và kéo theo là năng suất lao động xã hội.

- Gắn bó lợi ích giữa người lao động với người sử dụng lao động, giữa người lao động với xã hội. Trong thực tế lao động sản xuất, người lao động và người sử dụng lao động vốn có những mâu thuẫn nội tại, khách quan về tiền lương, tiền công, thời gian lao động... Thông qua BHXH, những mâu thuẫn đó sẽ được điều hoà và giải quyết. Đặc biệt, cả hai giới này đều thấy nhờ có BHXH mà mình có lợi và được bảo vệ. Từ đó làm cho họ hiểu nhau hơn và gắn bó lợi ích được với nhau. Đối với Nhà nước và xã hội, chi cho BHXH là cách thức phải chi ít nhất và có hiệu quả nhất nhưng vẫn giải quyết được khó khăn về đời sống cho người lao động và gia đình họ, góp phần làm cho sản xuất ổn định, kinh tế, chính trị và xã hội được phát triển và an toàn hơn.

### *Nguyên tắc*

Mức hưởng bảo hiểm xã hội được tính trên cơ sở mức đóng, thời gian đóng bảo hiểm xã hội và có chia sẻ giữa những người tham gia bảo hiểm xã hội.



Mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp được tính trên cơ sở tiền lương, tiền công của người lao động. Mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện được tính trên cơ sở mức thu nhập do người lao động lựa chọn nhưng mức thu nhập này không thấp hơn mức lương tối thiểu chung.

Người lao động vừa có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vừa có thời gian đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện được hưởng chế độ hưu trí và chế độ tử tuất trên cơ sở thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội.

Quỹ bảo hiểm xã hội được quản lý thống nhất, dân chủ, công khai, minh bạch, được sử dụng đúng mục đích, được hạch toán độc lập theo các quỹ thành phần của bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện và bảo hiểm thất nghiệp.

Việc thực hiện bảo hiểm xã hội phải đơn giản, dễ dàng, thuận tiện, bảo đảm kịp thời và đầy đủ quyền lợi của người tham gia bảo hiểm xã hội.

### *Tính chất*

BHXXH gắn liền với đời sống của người lao động, vì vậy nó có một số tính chất cơ bản sau:

- Tính tất yếu khách quan trong đời sống xã hội  
Trong quá trình lao động sản xuất người lao động có thể gặp nhiều biến cố, rủi ro khi đó người sử dụng lao động cũng rơi vào tình cảnh khó khăn làm sản xuất kinh doanh bị gián đoạn. Sản xuất càng phát triển, những rủi ro đối với người lao động và những khó khăn đối với người sử dụng lao động càng nhiều và trở nên phức tạp, dẫn đến mối quan hệ chủ - thợ ngày càng căng thẳng. Để giải quyết vấn đề này, Nhà nước phải đứng ra can thiệp thông qua BHXXH

BHXXH ra đời hoàn toàn mang tính khách quan trong đời sống kinh tế của mỗi nước

- BHXXH có tính ngẫu nhiên, phát sinh không đồng đều theo thời gian và không gian. Tính chất này thể hiện rất rõ ở những nội dung cơ bản của BHXXH. Từ thời điểm hình thành và triển khai, đến mức đóng góp của các bên tham gia để hình thành quỹ BHXXH. Từ những rủi ro phát sinh ngẫu nhiên theo thời gian và không gian đến mức trợ cấp BHXXH theo từng chế độ cho người lao động v.v...

- BHXXH vừa có tính kinh tế, vừa có tính xã hội, đồng thời còn có tính dịch vụ.  
Tính kinh tế thể hiện rõ nhất là ở chỗ, quỹ BHXXH muốn được hình thành, bảo toàn và tăng trưởng phải có sự đóng góp của các bên tham gia và phải được quản lý chặt chẽ, sử dụng đúng mục đích, mức đóng góp của các bên phải được tính toán rất cụ thể dựa trên xác suất phát sinh thiệt hại của tập hợp người lao động tham gia BHXXH. BHXXH là bộ phận chủ yếu của hệ thống bảo đảm xã hội, vì vậy tính xã hội của nó thể hiện => Xét về lâu dài, mọi người lao động trong xã hội đều có quyền tham gia BHXXH. Và ngược lại, BHXXH phải có trách nhiệm bảo hiểm cho mọi người lao động và gia đình họ, kể cả khi họ còn đang trong độ tuổi lao động. Tính xã hội của BHXXH luôn gắn chặt

với tính dịch vụ của nó. Khi nền kinh tế - xã hội ngày càng phát triển thì tính dịch vụ và tính chất xã hội hoá của BHXH cũng ngày càng cao.

Câu 3. Quỹ BHXH và mục đích sử dụng quỹ, vì sao mức đóng bảo hiểm xã hội của người lao động và người sử dụng lại căn cứ vào tiền lương.

*Khái niệm:* quỹ BHXH là quỹ tài chính tập trung độc lập nằm ngoài NSNN được hình thành trên cơ sở sự tham gia đóng góp của các bên: người lao động, người sử dụng lao động và hỗ trợ của nhà nước nhằm mục đích thay thế hoặc bù đắp phần thu nhập bị mất hoặc giảm của người lao động khi gặp phải các rủi ro xã hội

- quỹ bảo hiểm xã hội được hình thành từ các nguồn sau: từ các bên tham gia BHXH: người lao động, người sử dụng lao động, hỗ trợ của nhà nước, mức đóng BHXH của người lao động và người sử dụng lao động thường được quy định bằng một tỷ lệ nhất định so với tiền công tiền lương mà người sử dụng lao động trả cho người lao động

ở những nước phát triển tỷ lệ đóng góp giữa người lao động và người sử dụng lao động là tương đương nhau nhưng ở các nước đang phát triển chủ yếu người sử dụng lao động đóng với tỷ lệ cao hơn nhiều

+ đối với sự hỗ trợ của nhà nước cho quỹ BHXH ở mỗi nước là khác nhau. các nước thường trích 1 tỷ lệ trong tổng thu thuế VAT cho quỹ BHXH

+ được bù đắp thêm từ lãi đầu tư tiền nhàn rỗi thu được từ quỹ BHXH

+ nguồn khác

Mục đích sử dụng quỹ

- dùng chi trả cho các chế độ BHXH

- chi phí quản lý cho bộ máy thực hiện chính sách BHXH

- chi đầu tư tăng trưởng quỹ BHXH

Câu 4: So sánh BHTM với BHXH

\* Giống

- về mục đích: đều nhằm mục đích ổn định cuộc sống, ổn định kinh doanh, từ đó góp phần đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống của người dân.

- Vai trò: giống nhau là

Đều kích thích hoạt động đầu tư, huy động nguồn vốn lớn cho nền kinh tế

Tạo thêm nhiều công ăn việc làm...

-Bảo hiểm XH và BHTM đều áp dụng nguyên tắc số đông bù số ít

\* Khác

BHXXH

BHTM

1 bản chất: ko vì mục tiêu lợi nhuận

2 đối tượng: là thu nhập của người LĐ

3 đối tượng tham gia: người lao động, người sử dụng LĐ

4 phương thức bảo hiểm: chủ yếu triển khai theo hình thức bắt buộc

5 phạm vi bảo hiểm: có 9 chế độ, chỉ trong những trường hợp luật định khi người LĐ ốm đau, thai sản, tai nạn LĐ, bệnh nghề nghiệp, nghỉ hưu...

6 quỹ bảo hiểm

Nguồn hình thành: do người LĐ, người sử dụng LĐ đóng góp, ngoài ra còn có sự hỗ trợ của nhà nước, lãi đầu tư và 1 số nguồn thu khác

-sử dụng quỹ: chủ yếu là chi trả cho các chế độ BH, chi cho quản lý

-cơ chế quản lý quỹ: quản lý theo cơ chế cân bằng thu chi, ko vì mục tiêu lợi nhuận

7 phí BH: được xác định thường theo 1 mức b/quân dựa vào tiền lương của người LĐ

Thực chất là loại hình kinh doanh rủi ro nên hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận

Tài sản trách nhiệm dân sự,tính mạng sức khỏe,tuổi thọ và những vấn đề liên quan tới con người

Tất cả các cá nhân tổ chức có nhu cầu

Theo hình thức tự nguyện

Rộng hơn,đa dạng hơn

+thu phí bh

+lãi từ hđ đầu tư

+từ 1 số nguồn khác(dvu cho cty bh khác...)

Chi bồi thường(là khoản chủ yếu)

Chi dự phòng

Chi đề phòng hạn chế tổn thất

Chi quản lý

Chi hoa hồng

Được quản lý theo cơ chế hđ kdoanh có lãi,vì mục tiêu lợi nhuận

Tùy thuộc vào từng đối tượng

//Vai trò của BHXH và BHTM ở Việt Nam hiện nay:

Tạo sự ổn định thu nhập cho người lao động khi có rủi ro xảy ra,góp phần đảm bảo ASXH

-Huy động được nguồn vốn lớn cho nền kinh tế

Câu 5: Phân biệt: Đối tượng BHXH và đối tượng tham gia BHXH:

+ Đối tượng BHXH chính là thu nhập của người lao động bị biến động giảm hoặc mất đi do bị giảm hoặc mất khả năng lao động, mất việc làm của những người tham gia BHXH.

+ Đối tượng tham gia BHXH là người lao động và người sử dụng lao động.

Đối tượng BHTM và đối tượng tham gia BHTM:

+ Phân theo tiêu chí đối tượng được bảo hiểm thì bảo hiểm thương mại chia thành bảo hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm dân sự và bảo hiểm con người, theo đó:

Bảo hiểm tài sản có đối tượng được bảo hiểm là tài sản (cố định hay lưu động) của người được bảo hiểm.

Bảo hiểm trách nhiệm dân sự có đối tượng được bảo hiểm là trách nhiệm dân sự của người được bảo hiểm đối với người thứ 3 theo luật định.

Bảo hiểm con người có đối tượng được bảo hiểm là tuổi thọ, tính mạng, tình trạng sức khỏe của con người hoặc các sự kiện liên quan tới cuộc sống và có ảnh hưởng tới cuộc sống con người.

+ Đối tượng tham gia BHTM là tất cả các tổ chức và cá nhân có nhu cầu tham gia BHTM.

Quỹ BHXH và quỹ BHTM:

+ Quỹ BHXH do người lao động và người sử dụng lao động đóng và nhà nước bù thiếu, mục đích sử dụng quỹ để chi trả theo các chế độ bảo hiểm và chi phí cho sự nghiệp quản lý, đảm bảo cân bằng thu chi.

+ Quỹ BHTM được hình thành do phí bảo hiểm của các đối tượng tham gia là chủ yếu dùng để chi trả hoặc bồi thường, dự trữ, dự phòng, chi phí đề phòng hạn chế tổn thất, thuê và chi phí quản lý... hạch toán kinh doanh có lãi.

Câu 6: Bản chất, chức năng và tính chất của BHXH:

Bản chất:

BHXH là nhu cầu khách quan, đa dạng và phức tạp của XH, nhất là trong XH mà sx hàng hóa hoạt động theo cơ chế thị trường, mối quan hệ thuê mướn đã phát triển đến 1 mức độ nào đó. KT càng phát triển thì BHXH càng đa dạng và hoàn thiện. Vì thế có thể nói KT là nền tảng của BHXH hay BHXH không vượt quá trạng thái kinh tế của mỗi nước.

Mối quan hệ giữa các bên trong BHXH phát sinh trên cơ sở quan hệ LĐ và diễn ra giữa 3 bên: bên tham gia BHXH, bên BHXH và bên đc BHXH. Bên tham gia BHXH có thể chỉ là người LĐ hoặc cả ng LĐ và người sử dụng LĐ. Bên BHXH thông thường là cơ quan chuyên trách do NN lập ra và bảo trợ. Bên được BHXH là người LĐ và gia đình họ khi có đủ các điều kiện ràng buộc cần thiết.

Những biến cố làm giảm hoặc mất khả năng lao động, mất việc làm trong BHXH có thể là những RR ngẫu nhiên trái ý muốn chủ quan của con người như: ốm đau, tai nạn LĐ, bệnh nghề nghiệp... hoặc cũng có thể là những trường hợp xảy ra không hoàn toàn ngẫu nhiên như tuổi già, thai sản, đồng thời nhưng biến cố đó có thể diễn ra cả trong và ngoài quá trình LĐ.

Phần thu nhập của người LĐ bị giảm hoặc mất đi khi gặp phải những biến cố RR sẽ đc bù đắp hoặc thay thế từ nguồn quỹ tiền tệ tập trung đc tích tụ lại. Nguồn quỹ này do bên tham gia BHXH đóng góp là chủ yếu, ngoài ra còn hỗ trợ từ NN.

Mục tiêu của BHXH nhằm thỏa mãn những nhu cầu thiết yếu của ng LĐ trong trường hợp bị giảm hoặc mất thu nhập, mất việc làm

### Chức năng

Thay thế hoặc bù đắp 1 phần thu nhập cho ng LĐ tham gia BH khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do mất KNLĐ hoặc mất việc làm. Sự đảm bảo thay thế và bù đắp này chắc chắn sẽ xảy ra vì suy cho cùng mất KNLĐ sẽ đến với tất cả mọi người LĐ khi hết tuổi LĐ theo các điều kiện quy định của BHXH. Còn mất việc làm và mất KNLĐ tạm thời làm giảm hoặc mất thu nhập, người LĐ cũng sẽ đc hưởng trợ cấp BHXH với mức hưởng phụ thuộc vào các điều kiện cần thiết, thời điểm và thời hạn đc hưởng phải đúng quy định. Đây là chức năng cơ bản nhất của BHXH, nó quyết định nhiệm vụ và tính chất và cả cơ chế của hoạt động BHXH.

Tiến hành phân phối và phân phối lại thu nhập giữa những người tham gia BHXH. Tham gia BHXH không chỉ có ng LĐ mà cả những người sd LĐ đều phải đóng góp cho quỹ BHXH. Quỹ này dùng để trợ cấp cho một số ng LĐ tham gia khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập. Số lượng những ng này thường chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng số người tham gia đóng góp. Như vậy theo quy luật số đông bù số ít BHXH thực hiện phân phối lại thu nhập theo cả chiều dọc và chiều ngang, thực hiện chức năng này có nghĩa là BHXH góp phần thực hiện công bằng XH.

Góp phần kích thích ng LĐ hăng hái LĐ, sản xuất, nâng cao năng suất LĐ cá nhân và năng suất LĐ XH. Khi khỏe mạnh tham gia LĐ sx, người LĐ được chủ sử dụng LĐ trả tiền lương, tiền công. Khi họ ốm đau, thai sản, TNLĐ hay khi về già đã có BH trợ cấp thay thế phần thu nhập bị mất. Vì thế cuộc sống của họ và gia đình họ luôn đc đảm bảo ổn định và có chỗ dựa. Do đó người LĐ luôn yên tâm gắn bó tận tình vs công việc và nơi làm việc. Họ rất tích cực LĐ sx, nâng cao năng suất LĐ và hiệu quả KT. Chức năng này biểu hiện như 1 đòn bẩy KT kích thích người LĐ nâng cao năng suất LĐ cá nhân, kéo theo là nsLĐ XH.

Gắn bó lợi ích giữa ng LĐ với ng sử dụng LĐ, giữa ng LĐ với XH. Trong thực tế LĐsx người LĐ và người sử dụng LĐ vốn có những mâu thuẫn nội tại khách quan về tiền lương, tiền công, thời gian LĐ... thông qua BHXH những mâu thuẫn đó sẽ đc điều hòa và giải quyết, đặc biệt cả 2 giới này đều thấy nhờ có BHXH mà mình có lợi và được bảo vệ. Từ đó làm họ hiểu nhau và gắn bó lợi ích với nhau. Đối với NN và XH chỉ cho BHXH là cách thức phải chi ít nhất và có hiệu quả nhất nhưng vẫn giải quyết đc khó khăn về mặt đời sống cho ng LĐ và gia đình họ, góp phần làm cho sx ổn định, kinh tế chính trị và xh đc phát triển an toàn hơn.

Tính chất:

Tính tất yếu khách quan trong đời sống XH:

Trong quá trình lao động sx, người LĐ có thể gặp nhiều biến cố, rủi ro. Khi đó ng sử dụng LĐ cũng rơi vào tình cảnh khó khăn không kém như sx kd bị gián đoạn, vấn đề tuyển dụng và hợp đồng LĐ luôn phải được đặt ra để thay thế... sản xuất càng phát triển những RR đối với ng LĐ và những khó khăn với ng sử dụng LĐ càng nhiều và trở nên phức tạp dẫn đến mối quan hệ chủ thợ ngày càng căng thẳng. Để giải quyết vấn đề này, NN phải đứng ra can thiệp thông qua BHXH. Như vậy BHXH ra đời hoàn toàn mang tính khách quan trong đời sống XH của mỗi nước.

BHXH có tính ngẫu nhiên, phát sinh không đồng đều theo không gian và thời gian

BH vừa có tính kinh tế, vừa có XH đồng thời có tính dịch vụ.

Tính kinh tế thể hiện rõ nhất ở chỗ: quỹ BHXH muốn đc hình thành, bảo toàn và tăng trưởng phải có sự đóng góp của các bên tham gia và phải đc quản lý chặt chẽ, đúng mục đích. Mức đóng góp của các bên phải đc tính toán rất cụ thể dựa trên xác suất phát sinh thiệt hại của các tập hợp ng tham gia BHXH. Quỹ BHXH chủ yếu dùng để trợ cấp cho ng LĐ theo các điều kiện BHXH. Thực chất phần đóng góp của mỗi ng LĐ là k đáng kể nhưng quyền lợi nhận đc là rất lớn khi gặp rủi ro. Đối với ng sử dụng LĐ, việc tham gia đóng góp vào quỹ BHXH là để BH cho ng LĐ mà mình sử dụng. Xét dưới góc độ KT, họ cũng có lợi vì k phải bỏ ra 1 khoản tiền lớn để trang trải cho những ng LĐ bị mất hoặc giảm KN LĐ. Với NN, BHXH góp phần làm giảm gánh nặng cho NSNN, đồng thời quỹ BHXH còn là nguồn đầu tư đáng kể cho nền KTQD.

BHXH là bộ phận chủ yếu của hệ thống đảm bảo XH. Vì vậy tính XH của nó thể hiện rất rõ. Xét về lâu dài, mọi người LĐ trong XH đều có quyền tham gia BHXH. Và ngược lại, BHXH phải có trách nhiệm BH cho mọi ng LĐ và gia đình họ, kể cả khi họ còn trong độ tuổi LĐ. Tính XH của BHXH luôn gắn chặt với tính dịch vụ của nó. Khi nền KT – XH ngày càng phát triển thì tính dịch vụ và tính chất XH hóa của BHXH ngày càng cao.

Vì sao trong thời kì đầu triển khai, BHXH chỉ áp dụng đối với những người làm công ăn lương:

Đáp ứng nhu cầu về BHXH cho người LĐ làm công ăn lương

Người làm công ăn lương có thu nhập ổn định và thường cao hơn các tầng lớp khác.

Phù hợp với trình độ quản lý của các cơ quan BHXH, đặc biệt trong thời kì đầu.

Phù hợp với điều kiện thực tế của DN và khả năng tài trợ của NSNN.

Thực hiện ở tất cả các nước, trong đó có VN, cụ thể theo luật BHXH hiện hành.

Câu 7: Vai trò của BHXH trong nền KTTT đối với người LĐ:

*ở bất kỳ hoàn cảnh, thời điểm nào, rủi ro luôn luôn rình rập, đe dọa cuộc sống của mỗi người gây gánh nặng cho cộng đồng và xã hội. Rủi ro phát sinh hoàn toàn ngẫu nhiên bất ngờ không lường trước được nhưng xét trên bình diện xã hội, rủi ro là một tất yếu không thể tránh được. Để phòng ngừa và hạn chế những tác động tiêu cực của rủi ro đối với con người và xã hội là nhiệm vụ, mục tiêu hoạt động của BHXH. Một số vai trò của BHXH đối với cá nhân:*

- Thứ nhất: BHXH có vai trò ổn định thu nhập cho người lao động và gia đình họ.

*Khi tham gia BHXH, người lao động phải trích một khoản phí nộp vào quỹ BHXH, khi gặp rủi ro, bất hạnh như: ốm đau, thai sản, tai nạn lao động làm cho chi phí gia đình tăng lên hoặc phải ngừng làm việc tạm thời. Do vậy thu nhập của gia đình bị giảm, đời sống kinh tế lâm vào tình cảnh khó khăn, túng quẫn. Nhờ có chính sách BHXH mà họ được nhận một khoản tiền trợ cấp đã bù đắp lại phần thu nhập bị mất hoặc bị giảm để đảm bảo ổn định thu nhập, ổn định đời sống.*

- Thứ hai: Ngoài việc đảm bảo đời sống kinh tế, BHXH tạo được tâm lý an tâm, tin tưởng. Khi đã tham gia BHXH góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động đem lại cuộc sống bình yên, hạnh phúc cho nhân dân lao động.

Vai trò của BHXH đối với doanh nghiệp:

Câu 8: Mối quan hệ của BHXH đối với sự tăng trưởng và phát triển kinh tế VN

Về kinh tế - xã hội:

Rủi ro tổn thất phát sinh làm thiệt hại đến các đối tượng: của cải vật chất do con người tạo ra và chính bản thân con người, làm gián đoạn quá trình sinh hoạt của dân cư ngưng trệ hoạt động sản xuất kinh doanh của nền kinh tế. nói chung nó làm gián đoạn



và giảm hiệu quả của quá trình tái sản xuất XH. Quỹ dự trữ BH dc tạo lập trước 1 cách có ý thức, khắc phục hậu quả nói trên, bằng cách bù đắp các tổn thất phát sinh nhằm tái lập và đảm bảo tính thường xuyên liên tục của quá trình XH. như vậy, trên phạm vi toàn bộ nền kinh tế XH BH đóng vai trò như 1 công cụ an toàn và dự phòng đảm bảo khả năng hoạt động lâu dài của mọi chủ thể dân cư và kinh tế. với vai trò đó, BH khi thâm nhập sâu vào đời sống đã phát huy tác dụng vốn có của mình: thúc đẩy ý thức đề phòng - hạn chế tổn thất cho mọi thành viên trong xã hội.

BH là môi trường nghề nghiệp của 1 số lượng lớn lao động. lao động trong ngành BH cùng các ngành khác tạo ra nhiều giá trị gia tăng cho cả nền kinh tế góp phần đáng kể vào GDP của quốc gia. hoạt động BH là 1 trong những hoạt động có mối quan hệ với nhiều ngành nghề khác nhất. không những thế, ngày nay hd BH ko chỉ hướng đến việc phân phối lại về mặt giá trị mà còn hướng đến vai trò XH tích cực hơn trong việc chống lại những hậu quả bất hạnh của cuộc sống. các chương trình hỗ trợ của BH ngày càng đa dạng và phong phú. Hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ của BH ko chỉ thúc đẩy ý thức phòng ngừa rủi ro của các thành viên trong XH mà còn làm giảm thiệt hại về mặt kinh tế tổn thất giảm đi, đồng nghĩa với giá trị của nền kte tăng lên mức đóng góp của các thành viên trong quỹ BH cũng giảm đi.

- về hoạt động tài chính:

\* Đối với người tham gia bảo hiểm: Khi tham gia bảo hiểm, sẽ giúp cho bản thân và tài sản của người tham gia được bảo đảm bằng một khoản tiền xác định nào đó. Và nếu như có điều rủi ro xảy ra đối với người tham gia bảo hiểm thì họ sẽ được các công ty bảo hiểm chia sẻ một phần nào đó khó khăn, giúp họ có khả năng tài chính để có thể vượt qua được khó khăn trước mắt.

\* Đối với các công ty bảo hiểm: Bảo hiểm chính là một kênh tập trung vốn của các công ty bảo hiểm. Với số tiền mà khách hàng đóng vào, sẽ giúp các công ty bảo hiểm đầu tư vào các ngành kinh doanh khác, mang lại lợi nhuận nhiều hơn, qua đó, giúp gia tăng khả năng tài chính của công ty, đồng thời bảo đảm nguồn tiền mặt đối với các hoạt động thường ngày của 1 công ty.

\* Đối với xã hội: Bảo hiểm là một kênh luân chuyển tiền tệ của nền kinh tế. Nó tạo ra sự an tâm của các nhà đầu tư cũng như của dân chúng, thúc đẩy cho các hoạt động tài chính diễn ra một cách suông sẻ hơn. Bảo hiểm có thể coi là một trong những nhân tố giúp ổn định nền tài chính tiền tệ của một quốc gia. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, nếu các hoạt động kinh doanh bảo hiểm không rõ ràng và minh bạch, có thể tạo ra những tác động xấu, ảnh hưởng không tốt đến nền kinh tế (mà ví dụ điển hình là sự phá sản của AIG hiện nay).

Bên cạnh săn tìm lợi nhuận, ngành BH cũng góp phần đáng kể làm giảm áp lực vốn đề sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển cho hệ thống ngân hàng và ngân sách nhà nước. Theo HHHVN, doanh thu BHPNT năm 2009 đạt 13.100 tỷ đồng (tăng khoảng 20% so với năm 2008); doanh thu BHNT đạt 11.700 tỷ đồng (tăng khoảng 12%). Với nước ta, ngành BH đã thực sự trở thành chỗ dựa khá vững chắc khi mỗi năm bồi thường 55% doanh thu phí BH cho các cơ sở kinh tế - xã hội và khách hàng khi họ gặp rủi ro thiên tai, tai nạn; góp phần ổn định ngân sách nhà nước.

Đặc biệt, trong hoàn cảnh kinh tế nước ta đang khó khăn, nhất là về nguồn vốn thì năm 2009 ngành BH đã tạo ra nguồn vốn trung và dài hạn 69.000 tỷ đồng và đầu tư vào nền kinh tế đất nước (năm 2008 là 57.000 tỷ đồng), tạo việc làm cho 15.000 nhân viên BH và gần 150.000 đại lý BH. Dự kiến, năm 2010, tổng vốn từ ngành BH đầu tư vào nền kinh tế sẽ tăng lên khoảng 75.000 tỷ đồng.

Mối quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng kinh tế và BH:

Như đã nêu trên, trong nền kinh tế thị trường việc tham gia BH được thể hiện thông qua việc đóng góp BH của các bên. Như vậy, trong mối quan hệ đóng góp của ba bên này đều có liên quan đến thu nhập. Đối với người lao động đóng góp BH liên quan đến thu nhập, tiền lương. Đối với người sử dụng lao động đó là quỹ lương của cơ quan, doanh nghiệp. Đối với Nhà nước là khoản chi từ ngân sách. Ban đầu, khi mới xây dựng hệ thống BH theo cơ chế thị trường, số người thụ hưởng còn ít so với số người tham gia BH. Theo thời gian, sự già hoá dân số ngày càng tăng lên, tỷ lệ phụ thuộc (người hưởng BH và người làm việc có tham gia BH) ngày càng tăng lên, nghĩa là số người hưởng BH ngày càng nhiều lên. Do vậy, chi phí BH ngày càng lớn lên và gia tăng. Ví dụ, ở Việt Nam hiện nay số người hưởng hưu trí các loại khoảng 2 triệu người và số người tham gia BHXH khoảng 4 triệu người (làm tròn số). Nghĩa là, có hai người tham gia BH thì có một người hưởng, hay nói cách khác tỷ lệ phụ thuộc là 50%. Nếu không mở rộng đối tượng tham gia BH, tỷ lệ này sẽ tăng lên đáng kể trong một số năm tới. Điều này đồng nghĩa với việc quỹ BH sẽ giảm đi với tốc độ ngày càng nhanh. Để khắc phục điều này, có một số cách thường được áp dụng:

- Mở rộng đối tượng tham gia BH (cách này thường chỉ được áp dụng đối với những hệ thống BH mới, ví dụ như Việt Nam, còn đối với những nước mà đại đa số người dân đều đã tham gia BH, việc mở rộng đối tượng rất khó khăn).
- Tăng mức đóng góp của các bên tham gia BH thường được áp dụng hoặc là đều kỳ (5 năm hoặc 10 năm lại điều chỉnh tỷ lệ đóng góp) hoặc là tăng dần (mỗi năm hoặc 1 - 2 năm tăng tỷ lệ đóng góp lên một tỷ lệ nhất định).

Ngoài ra, còn có những cách khác như "xiết chặt" các điều kiện để được hưởng BH như tăng tuổi nghỉ hưu, quy định thời hạn "dự bị" phải đóng góp hoặc phải tham gia BH một thời gian trước khi hưởng trợ cấp...

Những sự thay đổi trên đều ảnh hưởng đến thu nhập của các bên tham gia BH. Dưới góc độ người lao động, để vừa đảm bảo được những chi tiêu thường xuyên và ngày càng tăng lên của gia đình và vừa thực hiện được nghĩa vụ đóng BH, họ phải tìm cách để tăng thêm thu nhập, nghĩa là phải làm việc nhiều hơn hoặc làm việc có năng suất, có hiệu quả hơn để được trả lương cao hơn. Khi người lao động làm việc có năng suất, có chất lượng, doanh nghiệp cũng có lợi ích, doanh thu và thu nhập của doanh nghiệp tăng cao hơn và cũng có điều kiện hơn để thực hiện tốt hơn trách nhiệm và nghĩa vụ của mình đối với người lao động. Đến lượt mình, khi người lao động và doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả, Nhà nước sẽ có nguồn thu nhiều hơn (thu thuế cá

nhân và thuế thu nhập doanh nghiệp) có điều kiện tài chính tốt hơn để đóng góp cho quỹ BH.

Từ khía cạnh khác, tăng trưởng kinh tế tạo điều kiện cho người dân có cuộc sống tốt hơn, tạo ra nhiều việc làm mới, thu hút nhiều lao động tham gia vào các hoạt động kinh tế. Người lao động có thu nhập càng cao và ổn định càng có điều kiện tốt hơn tham gia BH. Điều này đặc biệt có ý nghĩa đối với những nước mới thực hiện, cần thu hút nhiều người tham gia BH. Đây là tác động tích cực của tăng trưởng kinh tế đối với BH. Đồng thời, khi kinh tế phát triển, Nhà nước và các doanh nghiệp có điều kiện để đầu tư thêm trang thiết bị hiện đại, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động. Nhờ vậy, những rủi ro trong lao động như tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp sẽ giảm đi và do đó quỹ BH sẽ giảm chi do đối tượng hưởng giảm. Đây là ảnh hưởng, tác động gián tiếp của tăng trưởng kinh tế đối với BH. Mặt khác, khi kinh tế tăng trưởng, Nhà nước có khả năng hơn để cải thiện điều kiện sống cho người lao động, như đầu tư vào các cơ sở hạ tầng công cộng, đầu tư cải thiện điều kiện chăm sóc sức khỏe cho dân cư nói chung và người lao động nói riêng. Nhờ vậy, người lao động ít bị những rủi ro xã hội hơn như giảm được tai nạn, giảm được ốm đau, bệnh tật, giảm được những rủi ro khi sinh đẻ (đối với lao động nữ)... Đây cũng là ảnh hưởng tác động gián tiếp của tăng trưởng kinh tế đối với BH. Ngoài ra, khi kinh tế tăng trưởng, môi trường kinh tế càng được hoàn thiện, việc đầu tư của quỹ BH càng tốt hơn, an toàn hơn, tránh được những rủi ro từ kinh tế, góp phần tăng trưởng quỹ BH...

Như vậy, dưới góc độ kinh tế, các hoạt động BH đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; góp phần làm tăng thu nhập quốc dân và ngược lại, kinh tế tăng trưởng đã có tác động tích cực, ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tới các hoạt động BH.

Tuy nhiên, để phát huy được những ảnh hưởng tích cực trong mối quan hệ BH - Kinh tế này, cần có những cơ chế chính sách thích hợp. Từ góc độ tài chính, tiền tệ, Nhà nước cần có chính sách đầu tư thích hợp cho quỹ BH và cần minh bạch hơn mối quan hệ (tiền tệ) giữa Nhà nước (Chính phủ) và cơ quan BHXH, công ty BHTM. Nhà nước cần định ra những chính sách lãi suất đầu tư, lãi suất khi Chính phủ vay của Quỹ BH hợp lý để đảm bảo sự tăng trưởng lâu dài cho quỹ BH. Mặt khác, Nhà nước có những chính sách chỉ định đầu tư và bảo hộ đầu tư để đảm bảo an toàn cho quỹ BH. Chẳng hạn ở Italia, Chính phủ quy định việc xây dựng các khu nhà chung cư cho người lao động là do quỹ BHXH đảm nhận. Đây là chính sách vừa gắn quyền lợi và trách nhiệm của người lao động với cơ quan BH, công ty BHTM; ngược lại cũng làm tăng thêm sự gắn kết giữa cơ quan BHXH, công ty BHTM với người lao động. Về phía các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoạch định chính sách BH, cần có quy định về thẩm quyền của Hội đồng quản lý, của Tổng Giám đốc công ty hay cơ quan BH, nhất là về khía cạnh tài chính, như việc chủ động điều chỉnh tỷ lệ đóng góp BHXH cũng như tỷ lệ hưởng; chủ động về đầu tư ...

Câu 9 & 10 chế độ BHXH ở Việt Nam

Chính sách BHXH là một trong những chính sách cơ bản nhất của mỗi quốc gia. Nó là những quy định chung, rất khắt khe về cả đối tượng, phạm vi, các mqh, và những giải pháp lớn, nhằm đạt đc mục tiêu chung đã đề ra đối vs BHXH. Việc ban hành chính sách BHXH phải dựa vào đk KT-XH của đất nước từng thời kì, và xu hướng vận động khách quan của toàn bộ nền KT-XH.

Chế độ BHXH là sự cụ thể hóa chính sách BHXH, là hệ thống các quy định cụ thể và chi tiết, là sự bố trí, sắp xếp các phương tiện để thực hiện BHXH đối vs ng lao động. Nói cách khác, đó là một hệ thống các quy định đc pháp luật hóa về đối tượng hưởng, nghĩa vụ và mức đóng góp cho từng trường hợp BHXH cụ thể. Chế độ BHXH thường đc thể hiện dưới dạng các văn bản dưới luật, các thông tu, điều lệ ...

Theo tổng kết của ILO (công ước số 102 tháng 6 năm 1952 tại Gionevo), bảo hiểm xã hội bao gồm chín chế độ chủ yếu sau:

- 1 chăm sóc y tế
- 2 trợ cấp ốm đau
- 3 trợ cấp thất nghiệp
- 4 trợ cấp tuổi già
- 5 trợ cấp tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp
- 6 trợ cấp gia đình
- 7 trợ cấp thai sản,
- 8 trợ cấp khi tàn phế
- 9 trợ cấp cho người còn sống (trợ cấp mất ng nuôi dưỡng)

Công ước cũng nói rõ là những nước phê chuẩn công ước này có quyền chỉ áp dụng một số chế độ, nhưng ít nhất phải áp dụng một trong các chế độ: trợ cấp thất nghiệp, trợ cấp tuổi già, trợ cấp tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp, trợ cấp khi tàn phế hoặc trợ cấp mất ng nuôi dưỡng. Việc áp dụng bảo hiểm xã hội trên của quốc gia khác nhau thường cũng rất khác nhau về nội dung thực hiện tùy thuộc vào nhu cầu bức bách của riêng từng nơi trong việc đảm bảo cuộc sống của người lao động, ngoài ra, còn tùy thuộc vào khả năng tài chính và khả năng quản lí có thể đáp ứng. Tuy nhiên, xu hướng chung là theo đà phát triển kinh tế - xã hội, bảo hiểm xã hội sẽ mở rộng dần về số lượng và nội dung thực hiện của từng chế độ.

Hệ thống các chế độ BHXH có những đặc đm chủ yếu sau:

+ các chế độ đc xd theo luật pháp mỗi nước

- + hệ thống các chế độ mang tính chất chia sẻ rủi ro , chia sẻ tài chính
- + mỗi chế độ đc chi trả đều căn cứ chủ yếu vào mức đóng góp của các bên tham gia BHXH
- + phần lớn các chế độ là chi trả định kì
- + đồng tiền đc sd làm phương tiện chi trả và thanh quyết toán
- + chi trả BHXH như là quyền lợi của mỗi chế độ BHXH
- + mức chi trả còn phụ thuộc vào quỹ dự trữ. Nếu quỹ dự trữ đc đầu tư có hiệu quả và an toàn thì mức chi trả sẽ cao và ổn định
- + các chế độ BHXH cần phải đc điều chỉnh định kì để phản ánh hết sự thay đổi của điều kiện kinh tế - xã hội

Toàn bộ hệ thống cũng như mỗi chế độ BHXH trong hệ thống trên khi xây dựng đều phải dựa vào những cơ sở kinh tế - xã hội : cơ cấu ngành kinh tế quốc dân, tiền lương và thu nhập của ng lao động, hệ thống tài chính của quốc gia ... Đồng thời tùy từng chế độ khi xây dựng còn phải tính đến các yếu tố sinh học, yếu tố môi trường như: tuổi thọ bình quân của ng ld, nhu cầu dinh dưỡng , xác suất tai nạn lđ và tử vong, độ tuổi sinh đẻ của lao động nữ , môi trường lđ...

Những cơ sở khoa học trên quyết định đến một loạt vấn đề về xác định đk , tgian và mức hưởng trợ cấp trong từng chế độ, cũng như khả năng áp dụng bao nhiêu chế độ BHXH trong một hệ thống. Chẳng hạn khi xác định điều kiện hưởng trợ cấp BHXH tuổi già phải dựa vào cơ sở sinh học là tuổi đời và giới tính của ng ld là chủ yếu. Bởi vì tuổi già để hưởng trợ cấp hưu trí của mỗi giới , mỗi vùng, mỗi quốc gia có sự khác biệt nhất định. Do đó có những nc quy định: nam 60t, nữ 55t sẽ đc nghỉ hưu. Nhưng cũng có những nc qđ nam 65t, nữ 60t v v ...

Thời gian hưởng trợ cấp và mức hưởng trợ cấp BHXH nói chung phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể và thời gian đóng phí bảo hiểm của ng ld, trên cơ sở tương ứng giữa đóng và hưởng. Đồng thời mức trợ cấp còn phụ thuộc vào khả năng thanh toán của từng quỹ tài chính BHXH; mức sống chung của các tầng lớp dân cư và ng ld. Nhưng về nguyên tắc, mức trợ cấp này ko cao hơn mức tiền lương hoặc tiền công khi ng ld đang làm việc đó và nó chỉ bằng một tỷ lệ % nhất định so vs mức tiền lương, tiền công. Ở các nước kinh tế phát triển, do mức lương cao nên tỷ lệ này thường thấp và ngược lại, ở những nước đang phát triển, do mức tiền lương còn thấp nên phải áp dụng một tỷ lệ khá cao . VD ở Pháp, mức trợ cấp hưu trí chỉ bằng 50% mức lương bình quân của 10 năm cao nhất ( vs đk đóng BHXH đủ 37,5 năm); ốm đau đc hưởng trợ cấp bằng 50% tiền lương, tg nghỉ ốm đc hưởng trợ cấp ko quá 12 tháng... còn ở Philipin, mức trợ cấp hưu trí từ 42% đến 102 % , tùy thuộc từng nhóm lương khác nhau, ốm đau đc hưởng 65%...

Tuy vậy việc các nước quy định trợ cấp BHXH bằng tỷ lệ % so vs tiền lương hay tiền công thường dẫn đến bồi chi quỹ BHXH. Vì vậy một số nc đã phải tìm cách khắc phục: trả ngay một lần khi nghỉ hưu ( NB một lần khi nghỉ hưu là 15 triệu yên) hoặc suốt đời đóng theo tỷ lệ % của một mức thu nhập quy định và hưởng cũng theo tỷ lệ % của mức quy định ấy

Theo khuyến nghị của ILO, BHXH bgom hệ thống 9 chế độ, song ko phải nc nào cũng thực hiện đầy đủ. Bởi vì đk kinh tế- xã hội của mỗi nc khác nhau, thậm chí ngay trong 1 nc những đk đó cũng khác nhau giữa các thời kì nên việc thực hiện đc cả 9 chế độ nêu trên là rất khó,. Chẳng hạn nếu tiềm lực và sức mạnh kinh tế yếu kém, khả năng tổ chức và quản lý còn hạn chế thì rất khó thực hiện các chế độ trợ cấp thất nghiệp và trợ cấp gia đình. Hoặc nếu ko nhận thức đc đầy đủ quyền bình đẳng nam nữ, vai trò và đặc đm của ld nữ thì cũng rất khó thực hiện đc chế độ trợ cấp sinh đẻ... Chính vì vậy, cho đến nay, trên thế giới, chỉ có 43 nước thực hiện đc cả 9 chế độ BHXH, 92 nc chưa thực hiện đc chế độ trợ cấp thất nghiệp, 9 nc chưa thực hiện đc chế độ trợ cấp gia đình, 13nc chưa thực hiện đc 3 chế độ: trợ cấp thất nghiệp, trợ cấp gia đình và trợ cấp tai nạn lao động.

*Chế độ BHXH ngắn hạn* : ốm đau, thai sản, tai nạn ld & bệnh nghề nghiệp ( trc 1 lần) ,chăm sóc y tế, gia đình

*CĐ BHXH dài hạn*: hưu trí và tử tuất , TNLD & BNN (trợ cấp hàng tháng)

*Cả 2*: TNLD & BNN, tử tuất , hưu trí

Theo luật BHXH nước ta thực hiện :

BHXH bắt buộc là trợ cấp ốm đau, tai nạn ld và bệnh nghề nghiệp, thai sản, hưu trí, tử tuất.

BHXH tự nguyện ( từ 1/1/2008) với 2 chế độ hưu trí, tử tuất.

Bh thất nghiệp (1/1/2009)

Câu 11: vì sao tiền lương là cơ sở chủ yếu để xác định mức đóng góp BHXH của các bên tham gia? vai trò của chế độ hưu trí trong hệ thống các chế độ BHXH?

Tiền lương là cơ sở chủ yếu để xác định mức đóng góp BHXH của các bên tham gia vì:

1.mức lương là do nhà nước xây dựng và quy định nên nó mang tính pháp lý và ổn định giúp cho cơ quan bảo hiểm xác định được mức phí bảo hiểm một cách chính xác.và dựa vào mức phí đóng góp đó để thực hiện việc chi trả bồi thường nếu như có tổn thất xảy ra.đảm bảo tính công bằng trong việc thu và chi trả cho người tham gia bảo hiểm và cũng giúp các cơ quan bảo hiểm tránh được những tổn thất do có thể ước lượng được chính xác mức phí bảo hiểm dựa trên mức lương mà nhà nước quy định.

2. dựa vào mức lương do nhà nước quy định các cơ quan bảo hiểm cũng có cơ sở để kiểm tra và truy thu các cơ quan và các cá nhân nợ phí bảo hiểm. từ đó ổn định được nguồn quỹ đồng thời giảm được tổn thất do nguồn quỹ thu không đủ và gây khó khăn cho việc chi trả, bồi thường khi có tổn thất xảy ra.

3. vì tiền lương do nhà nước quy định và có tính pháp lý cao nên các cơ quan bảo hiểm có thể dựa vào tiền lương để làm cơ sở trả lương hưu, trợ cấp hưu trí khi người lao động về hưu và các chế độ bảo hiểm khác

4. đối với người lao động không có lương mà chỉ có thu nhập bấp bênh thì rất khó để xác định được mức phí đóng góp hàng tháng. nếu tháng có thu nhập cao họ sẽ có khả năng đóng góp tuy nhiên nếu tháng không có thu nhập họ sẽ không có khả năng đóng góp và như vậy nguồn quỹ bảo hiểm sẽ không ổn định, sẽ không thuận lợi cho việc chi trả khi có tổn thất hay rủi ro xảy ra. đồng thời nếu không dựa vào tiền lương các cơ quan bảo hiểm cũng không có cơ sở chính xác để xác định mức phí đóng góp và mức chi trả cho người lao động, gây khó khăn và mất công bằng cho cả 2 bên là cơ quan bảo hiểm và người lao động

Vai trò của chế độ hưu trí trong hệ thống các chế độ bảo hiểm xã hội

Trợ cấp hưu trí có vai trò có vai trò rất quan trọng trong hệ thống các chế độ BHXH và được mọi người lao động đặc biệt quan tâm.

1. đối với bản thân người lao động: khi người lao động hết tuổi lao động theo quy định của pháp luật và nghỉ hưu họ sẽ không còn thu nhập theo lao động như trước. và trợ cấp hưu trí thay thế một phần thu nhập bị mất đó góp phần ổn định tài chính cho người lao động khi về hưu.

2. tuổi thọ của người dân nói chung và người lao động tham gia BHXH nói riêng không ngừng tăng lên sẽ làm cho số người nghỉ hưu ngày càng chiếm tỷ trọng lớn. hầu hết các chế độ bảo hiểm khác vừa có tính hoàn trả vừa có tính không hoàn trả trong khi chế độ trợ cấp hưu trí thì ngược lại. vì mỗi một con người luôn phải trải qua 4 giai đoạn là: sinh, lão, bệnh, tử. do đó đây là chế độ có nhiều người tham gia nguồn quỹ được hình thành lớn và ổn định. tuy nhiên quá trình từ lúc tham gia đến lúc thụ hưởng của người lao động diễn ra trong thời gian dài. vì thế nguồn quỹ được hình thành này có thể được sử dụng để phục vụ chi trả bồi thường cho các chế độ khác nếu các chế độ đó có khó khăn về tài chính do thu không đủ chi hoặc do chưa thu được quỹ.

Vậy chế độ hưu trí góp phần ổn định cho các chế độ bảo hiểm khác trong hệ thống chế độ BHXH.

3. từ việc giúp ổn định tài chính cho bản thân người lao động nói riêng sau khi hết tuổi lao động, đồng thời hỗ trợ cho việc chi trả của các chế độ bảo hiểm khác trợ cấp hưu trí đóng góp phần to lớn trong việc đảm bảo an sinh xã hội.

Câu 12 Vai trò của chế độ hưu trí trong hệ thống các chế độ BHXH

Trong một hệ thống BHXH thường bao gồm nhiều chế độ khác nhau. Số lượng các chế độ BHXH được xây dựng và thực hiện phụ thuộc vào trình độ phát triển và mục tiêu cụ thể của hệ thống BHXH trong từng thời kỳ của mỗi nước. Tuy nhiên, trong bất cứ hệ thống BHXH nào cũng có những chế độ chính thể hiện đặc trưng những mục tiêu chủ yếu của hệ thống bảo hiểm xã hội. Một trong những chế độ đó là chế độ hưu trí hay chế độ bảo hiểm tuổi già cho người lao động. Có thể khẳng định rằng chế độ hưu trí là một trong những chế độ bảo hiểm được thực hiện sớm nhất trong lịch sử phát triển của bảo hiểm xã hội. Theo quy định của ILO thì chế độ này là một trong những chế độ bắt buộc, là chế độ chính sách khi mỗi quốc gia muốn xây dựng cho mình một hệ thống bảo hiểm xã hội. Theo thống kê của ILO, trong tổng số 163 nước trên thế giới có hệ thống BHXH (1993) thì có tới 155 nước có thực hiện chế độ hưu trí chiếm tỷ lệ 95,1%. Điều đó chứng tỏ chế độ hưu trí rất được các nước cũng như người lao động quan tâm. Trên thực tế, tất cả những người tham gia vào BHXH đều có mong muốn tham gia vào chế độ hưu trí. Trong phần đóng góp phí BHXH nói chung thì phần chủ yếu là đóng cho chế độ này. Đối với hệ thống BHXH thì hoạt động của ngành này tập trung chủ yếu vào chế độ hưu trí cho người lao động. Điều này được thể hiện cụ thể trong các hoạt động nghiệp vụ của bảo hiểm xã hội. Chẳng hạn ở Việt Nam, chế độ hưu trí có vị trí đặc biệt quan trọng với người tham gia bảo hiểm xã hội. Chế độ này được quy định và đưa vào thực hiện ngay từ khi hệ thống BHXH mới được thành lập (1947). Theo các quy định hiện hành thì tỷ lệ giành cho bảo hiểm hưu trí và các chế độ khác có liên quan tới người về hưu là 75% (phí bảo hiểm là 20% tổng quỹ tiền lương thì giành tới 15% đóng cho hưu trí). Do đó thu cho chế độ hưu trí cũng chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng thu của bảo hiểm xã hội, khoảng từ 60-80%. Tương tự như vậy trong tổng chi của BHXH thì việc chi cho chế độ này cũng rất lớn. Trong những năm gần đây tiền chi cho chế độ hưu trí chiếm khoảng trên 70% tổng chi cho BHXH. Như vậy, hoạt động thu chi của chế độ hưu trí có ảnh hưởng sống còn tới toàn bộ hoạt động của hệ thống bảo hiểm xã hội, ảnh hưởng đến sự ổn định của BHXH nói riêng cũng như cả xã hội nói chung. Một vấn đề nữa đặt ra là xu hướng già hoá của dân số thế giới dẫn đến số lượng người nghỉ hưu ngày càng tăng. Điều đó cho thấy rõ vai trò ngày càng quan trọng của chế độ hưu trí trong đời sống kinh tế xã hội của mỗi quốc gia. Hơn nữa, chế độ bảo hiểm hưu trí còn thể hiện được sự quan tâm chăm sóc của Nhà nước, người sử dụng lao động đối với người lao động, và nó còn thể hiện đạo lý của dân tộc đồng thời còn phản ánh trình độ văn minh của một chế độ xã hội.

1. Dự phòng nghiệp vụ là khoản tiền mà doanh nghiệp bảo hiểm phải trích lập nhằm mục đích thanh toán cho những trách nhiệm bảo hiểm đã được xác định trước và phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm đã giao kết.
2. Dự phòng nghiệp vụ phải được trích lập riêng cho từng nghiệp vụ bảo hiểm và phải tương ứng với phần trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm.
3. Bộ Tài chính quy định cụ thể về mức trích lập, phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.



*Điều 8 NB 46 quy định chi tiết về trích lập dự phòng nghiệp vụ Phi nhân thọ:*

“1. Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ phải trích lập dự phòng nghiệp vụ theo từng nghiệp vụ bảo hiểm đối với phần trách nhiệm giữ lại của doanh nghiệp.

2. Dự phòng nghiệp vụ bao gồm:

a) Dự phòng phí chưa được hưởng, được sử dụng để bồi thường cho trách nhiệm sẽ phát sinh trong thời gian còn hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm trong năm tiếp theo;

b) Dự phòng bồi thường cho khiếu nại chưa giải quyết, được sử dụng để bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại hoặc đã khiếu nại nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết;

c) Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất, được sử dụng để bồi thường khi có dao động lớn về tổn thất hoặc tổn thất lớn xảy ra mà tổng phí bảo hiểm giữ lại trong năm tài chính sau khi đã trích lập dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường cho khiếu nại chưa giải quyết không đủ để chi trả tiền bồi thường đối với phần trách nhiệm giữ lại của doanh nghiệp bảo hiểm.”

Như vậy doanh thu bảo hiểm (phí bảo hiểm) trừ đi chi phí bồi thường trong 1 năm chưa phải lãi của doanh nghiệp bảo hiểm. Các doanh nghiệp bảo hiểm còn phải trích lập quỹ dự phòng nghiệp vụ bao gồm phí chưa được hưởng, yêu cầu bồi thường của khách hàng đang trong thời gian giải quyết, bồi thường cho dao động lớn có thể xảy ra vào những năm sau. Đây là nguồn sẵn sàng chi bồi thường cho những năm đột xuất có xảy ra những tổn thất rất lớn.

Câu 13: Nguyên tắc hoạt động của BHTM.

Là loại hình BH kinh doanh bên cạnh việc phải tuân thủ những nguyên tắc chung của BH, BHTM còn phải tuân thủ theo các nguyên tắc riêng. Có 5 nguyên tắc chung cơ bản của BHTM là:

*Nguyên tắc số đông bù số ít.*

Theo nguyên tắc này phải có số đông người tham gia cho rủi ro cùng loại thì công ty BH mới có thể BH cho rủi ro đó để đảm bảo chia sẻ rủi ro của số ít người cho nhiều người cùng chịu.

*Nguyên tắc tín nhiệm tuyệt đối.*

BH là lời hứa về sự cam kết giữa 1 bên là đóng phí BH và 1 bên là chi trả bồi thường, đồng thời BH là sản phẩm ko mong đợi. Chính vì vậy giữa bên mua và bên bán BH phải đảm bảo tín nhiệm nhau 1 cách tuyệt đối. Cụ thể:

Đối với công ty BH: hoàn toàn trung thực đối với những cam kết với khách hàng, hoàn toàn trung thực khi trả lời các câu hỏi của khách hàng.

Đồng thời đảm bảo bảo mật thông tin về khách hàng.

Đối với khách hàng ( người tham gia BH): phải có trách nhiệm khai báo 1 cách trung thực các thông tin có liên quan đến đối tượng BH.

*Nguyên tắc rủi ro BH.*

Rủi ro hiểu theo nghĩa thông thường là những điều ko chắc chắn và ko mong đợi có thể xảy ra. Tuy nhiên với nghĩa đó ko phải rủi ro nào cũng đc BH. Vì đây là loại hình BH kinh doanh nên rủi ro chỉ có thể đc BH khi đáp ứng các điều kiện sau:

Rủi ro phải là ngẫu nhiên, bất ngờ  $0 < xsrr < 1$ .

Xác suất rủi ro càng chạy gần đến 1 thì khả năng xảy ra rủi ro càng cao thì phí BH càng cao.

Xác suất rủi ro càng chạy gần đến 0 thì khả năng xảy ra rủi ro càng thấp thì phí đóng BH càng thấp.

Rủi ro phải là rủi ro thuần túy mà ko phải là rủi ro đầu cơ.

Rủi ro thuần túy khi xảy ra thường gây thiệt hại, nếu may mắn thì ko thiệt hại.

Rủi ro đầu cơ là rủi ro gắn liền với hoạt động đầu cơ khi thực hiện có thể đem lại lãi hoặc cũng có thể lỗ.

Rủi ro phải có số đông người tham gia BH cho rủi ro cùng loại.

Rủi ro gây ra tổn thất phải lượng hóa được bằng tiền.

Rủi ro phải không đi ngược với các quy định của PL và các chuẩn mực đạo đức.

Rủi ro ko có tính thảm họa: nhưng hiện nay đang có xu hướng thay đổi.

*Nguyên tắc quyền lợi BH.*

Theo nguyên tắc này chỉ khi có quyền lợi BH đối với đối tượng BH thì mới được tham gia BH.

Người có quyền lợi BH để tham gia BH là người có khả năng bị thiệt hại tài chính khi có rủi ro xảy ra đối với đối tượng BH.

Đối với BH là tài sản: chủ sở hữu , người quản lý và sử dụng hợp pháp tài sản.

Đối với BH là con người:

Có thể tự mua BH ko giới hạn.

Mua BH cho vợ (chồng).

Mua BH cho con, cháu...khi con, cháu chưa đủ tuổi thành niên.

Nguyên tắc phân tán rủi ro.

Kinh doanh BH là kinh doanh rủi ro. Khi mua BH người tham gia BH đã chuyển rủi ro cho công ty BH. Tuy nhiên cty BH ko phải chịu hoàn toàn rủi ro đó mà dựa trên luật số lớn cty BH có thể tính đc phí BH đóng trước đủ để đảm bảo bù đắp số tiền chi trả bồi thường rủi ro xảy ra sau.

Nhưng do xs rủi ro dự tính khi tính phí BH có thể khác (có thể ko chính xác hoàn toàn) so với xs rủi ro thực tế xảy ra.

Trường hợp xs rủi ro dự tính thấp hơn xs rủi ro thực tế phí BH thu đc ko đủ để chi trả bồi thường, tức là công ty BH gặp phải rủi ro.

Để bảo vệ mình trước rủi ro kinh doanh đó, cty BH phải có những biện pháp quản lý rủi ro. Một trong những biện pháp quản lý rủi ro là phân tán rủi ro gồm: đồng bảo hiểm và tái BH.

Câu 14: Bảo hiểm trùng và cách xử lý bảo hiểm trùng trong BH tài sản? Cho ví dụ minh họa? Các chế độ BH miễn thường trong bảo hiểm tài sản? Cho vd minh họa?

*Bảo hiểm trùng và cách xử lý bảo hiểm trùng trong bảo hiểm tài sản.*

Bảo hiểm trùng.

Bảo hiểm trùng là trường hợp cùng 1 đối tượng BH được bảo vệ bởi nhiều hợp đồng BH có sự trùng lặp về:

Thời hạn bảo hiểm.

Rủi ro bảo hiểm.

Phạm vi, ko gian BH.

Tổng số tiền Bh từ các đơn lớn hơn giá trị BH của tài sản.

Cách xử lý BH trùng trong bảo hiểm tài sản.

Khi có thiệt hại xảy ra rơi vào trường hợp bảo hiểm trùng thì tổng số tiền bồi thường từ tất cả các đơn ko đc vượt quá giá trị thiệt hại của tài sản.

Việc phân chia số tiền bồi thường của các cty bảo hiểm trong trường hợp bảo hiểm trùng được tuân theo nguyên tắc đóng góp. Theo đó số tiền bồi thường được phân bổ dựa trên tỷ lệ số tiền bảo hiểm hoặc phí bảo hiểm.

Ví dụ. Bạn mua bảo hiểm trùng về xe cơ giới.

Số tiền bảo hiểm: 100% giá trị xe cho cả hai đơn bảo hiểm tại hai công ty bảo hiểm A và B.

Điều kiện bảo hiểm: giống nhau về thời hạn, rủi ro, phạm vi, ko gian bảo hiểm.

Số tiền tổn thất là 10 triệu đồng.

Theo như trường hợp ở trên, thì khi xảy ra tổn thất, trách nhiệm bảo hiểm cho cả hai công ty bảo hiểm A và B cho vụ tổn thất là 10 triệu đồng ứng với trách nhiệm trả tiền của mỗi bên là 5 triệu đồng. Vì vậy, khi bạn mua bảo hiểm trùng, quyền lợi của bạn là không thay đổi so với bạn chỉ tham gia một đơn vị bảo hiểm (dù bạn phải đóng gấp 2 lần tiền phí).  
*Các chế độ bảo hiểm miễn thường trong bảo hiểm tài sản.*

Chế độ miễn thường là theo chế độ bảo hiểm này nếu giá trị thiệt hại thực tế nhỏ hơn 1 số tiền nhất định được quy định trước ( được gọi là mức miễn thường) thì chủ tài sản phải tự chịu thiệt hại đó, chỉ khi giá trị thiệt hại thực tế lớn hơn mức miễn thường mới phát sinh trách nhiệm của bảo hiểm.

Số tiền bồi thường được xác định như thế nào là tùy thuộc vào điều kiện mua bảo hiểm: BH miễn thường có khấu trừ hay BH miễn thường ko khấu trừ.

BH miễn thường có khấu trừ: khi rủi ro xảy ra, mức thiệt hại lớn hơn mức miễn thường, lúc này người mua bh đc đền bù số tiền bằng giá trị thiệt hại trừ đi giá trị miễn thường ( giá trị thiệt hại  $\leq$  số tiền bh).

BH miễn thường ko khấu trừ: khi rủi ro xảy ra mức thiệt hại lớn hơn mức miễn thường, lúc này người mua bh đc đền bù stbt= giá trị thiệt hại( gt thiệt hại  $\leq$  stbh).

Ví dụ.

Khi khách hàng chọn mua gói BH vật chất cho xe với mức miễn thường là 2 triệu đồng. Khi có tổn thất xảy ra cho xe và chi phí sửa chữa từ 2 triệu đồng trở xuống thì công ty BH không thanh toán khoản chi phí này. Nhưng nếu tổn thất là 3 triệu đồng thì :

Công ty BH thanh toán phần chênh lệch là 1 triệu đồng nếu mua khách hàng mua mức miễn thường có khấu trừ.

Cty BH thanh toán 3 triệu đồng nếu khách hàng mua mức miễn thường ko khấu trừ.

Câu 15: Hãy so sánh bảo hiểm tài sản, bảo hiểm TNDS và bảo hiểm con người trong bảo hiểm thương mại.

Giống nhau

- Mục đích: Đều là loại hình bảo hiểm kinh doanh hoạt động trên nguyên tắc chung của bảo hiểm tức là dựa trên luật số lớn để tính phí bảo hiểm đóng trước từ đó hình thành nên quỹ tài chính bảo hiểm dùng để giải quyết bồi thường thiệt hại tài chính do rủi ro đc bảo hiểm gây nên.

Khác nhau.

Bảo hiểm tài sản

Bảo hiểm TNDS

Bảo hiểm con người

Đối tượng

- Tài sản thuộc quyền sở hữu, quản lý hay sử dụng hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong xã hội.

- Phần trách nhiệm pháp lý phát sinh phải bồi thường trách nhiệm dân sự.

- Tính mạng, sức khỏe hoặc cuộc sống của con người.

Giá trị bảo hiểm.

- Đối tượng bảo hiểm xác định được về mặt giá trị. Giá trị tài sản khi tham gia bh là gtbh.

- Đối tượng bh trừu tượng và ko xác định được trước chỉ đc xđ khi TNDS thực sự phát sinh theo quy định của pháp luật.

- Ko có gtbh như bh tài sản vì tính mạng, sức khỏe và cs của con người là vô giá.

Nguyên tắc áp dụng.

- Áp dụng các nguyên tắc của bảo hiểm.

+ Nguyên tắc bồi thường.

+ Nguyên tắc thế quyền.

+ Nguyên tắc đóng góp.

+ Điều khoản average.

- áp dụng các nguyên tắc của bảo hiểm.

+ Nguyên tắc bồi thường.

+ Nguyên tắc thế quyền.

+ Nguyên tắc đóng góp.

- Không áp dụng nguyên tắc bồi thường, thế quyền, đóng góp.

- Áp dụng nguyên tắc khoán xác định STBH và ST chi trả.

#### STBH

- STBH giới hạn trách nhiệm cao nhất của bh.

-  $STBH \leq GTBH$ .

- không xác định được stbh.

- STBH được xác định phụ thuộc vào thỏa thuận giữa 2 bên.

#### STBT

Tùy vào điều kiện BH mà STBT là khác nhau.

- BH dưới giá trị:  $STBT = \text{gtthiệt hại} * \text{stbh/gtbh}$

- BH bồi thường theo tỷ lệ:  $STBT = \text{tỷ lệ} * GTTH$

- Áp dụng chế độ miễn thường.

+ Mt có khấu trừ.

+ Mt không khấu trừ.

- Đơn bh TNDS thường có giới hạn trách nhiệm, nhà BH thường quy định giới hạn trách nhiệm của mình ở 1 mức nhất định.

-  $TNDS = \text{thiệt hại thực tế} \times \text{mức độ lỗi của bên thứ 3}$ .

- Do ko thể xác định được chính xác của thiệt hại nên 2 bên thỏa thuận trước về cách thức chi trả tiền BH.

Câu 16: Hợp đồng BH? Trách nhiệm và quyền lợi các bên trong hợp đồng BH

Hợp đồng bảo hiểm là sự thỏa thuận giữa bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm, theo đó bên mua bảo hiểm phải đóng phí bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng hoặc bồi thường cho người được bảo hiểm khi xảy ra rủi ro thuộc phạm vi bảo hiểm.

Nội dung của hợp đồng bảo hiểm

Tên, địa chỉ của doanh nghiệp bảo hiểm, bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm hoặc người thụ hưởng;

Đối tượng bảo hiểm;

Số tiền bảo hiểm, giá trị tài sản được bảo hiểm đối với bảo hiểm tài sản;

Phạm vi bảo hiểm, điều kiện bảo hiểm, điều khoản bảo hiểm;

Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm;

Thời hạn bảo hiểm;

Mức phí bảo hiểm, phương thức đóng phí bảo hiểm;

Thời hạn, phương thức trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường;

Các quy định giải quyết tranh chấp;

Ngày, tháng, năm giao kết hợp đồng.

Ngoài những nội dung trên, hợp đồng bảo hiểm có thể có các nội dung khác do các bên thỏa thuận.

Hình thức hợp đồng bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm phải được lập thành văn bản. Bằng chứng giao kết hợp đồng bảo hiểm là giấy chứng nhận bảo hiểm hay đơn bảo hiểm.

\* Trách nhiệm của các bên trong hợp đồng BH:

Các bên phải cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã kí trong hợp đồng

-Bên mua BH: phải khai báo trung thực về đối tượng BH,khi có rủi ro xảy ra phải báo cho nhà BH,thực hiện các biện pháp hạn chế tổn thất xảy ra thêm

-Nhà BH: đảm bảo thực hiện các cam kết với người mua BH.Phải bảo mật thông tin của khách hàng

\* Quyền lợi các bên:

-Bên mua:được quyền yêu cầu nhà BH bồi thường tổn thất

-Bên BH:yêu cầu bên mua phải có các hợp đồng theo yêu cầu,có quyền từ chối bồi thường nếu bên mua vi phạm hợp đồng

Câu 17: nguyên tắc bồi thường & nguyên tắc khoán trong BHTM

Trong BH thiệt hại việc thanh toán bồi thường BH đc dựa vào nguyên tắc bồi thg.

*Nội dung của nguyên tắc bồi thường là:*

Khi xảy ra sự kiện BH, DNBH căn cứ vào thiệt hại thực tế của bên đc BH để xđ số tiền đc bồi thường. Việc bồi thường của DNBH chỉ có mđ đền bù những thiệt hại của bên mua BH trong sự kiện BH mà ko tạo ra cơ hội để bên mua BH có thể kiếm lợi. Chính vì vậy, trong mọi tr.hợp DNBH ko chấp nhận bồi thường cho bên đc BH 1 số tiền lớn hơn thiệt hại thực tế of bên đc BH trong sự kiện BH. Thông thg DNBH bồi thường cho bên đc BH những chi phí thực tế, hợp lí để sửa chữa, thay thế tái tạo lại tài sản như trc khi sự kiện BH. Trường hợp phải thay mới bộ phận tài sản trong quá trình sửa chữa, if hợp đồng ko có thỏa thuận DNBH đc quyền khấu trừ phần ja trị khấu hao of bộ phận tài sản bị thay thế (nếu có). Như vậy để đc bồi thường chi phí thay mới trong 1 số nghiệp vụ BH, bên mua BH phải thỏa thuận vs DNBH để BH theo điều khoản ko khấu trừ khấu hao thay thế.

*Trong BH con người, nguyên tắc chi phối việc giải quyết tiền BH là nguyên tắc khoán.*

Nội dung of nguyên tắc khoán đc khái quát như sau: Khi xảy ra các sự kiện BH, DNBH căn cứ vào số tiền BH of hợp đồng đã ký kết và các quy định đã thỏa thuận trong hợp đồng để trả tiền cho người nhụ hưởng. khoản tiền này ko nhằm mđ bồi thg thiệt hại mà chỉ mang tc thực hiện cam kết theo mức khoán đã quy định. Trả tiền theo nguyên tắc khoán, số tiền đã đc định mức trc trg hợp đồng và ko phụ thuộc vào giá trị thiệt hại of đối tượng BH mà phụ thuộc vào số tiền BH đã ký kết cùng vs những quy định đã thỏa thuận trong hợp đồng. Khoản tiền trả theo nguyên tắc khoán có thể thấp hơn, or cao hơn, or cũng có thể ngang bằng thiệt hại of người đc BH và để nhận đc số tiền khoản trc này, người tham gia BH phải trả 1 khoản phí BH tương ứng.



### Câu 18: Đặc điểm of BH tài sản

BHTS là loại hình BHTM có đối tượng BH là tài sản thuộc quyền sở hữu quản lý hay sử dụng hợp pháp of các tổ chức cá nhân trg xh

Loại hình BH này có những đặc điểm cơ bản sau:

- 1) Vấn đề giới hạn trách nhiệm theo giá trị tài sản  
Nhìn chung, tài sản chỉ có thể được bảo hiểm khi xác định được giá trị của tài sản. Giá trị of tài sản khi tham gia BH đc gọi là giá trị BH.

Trường hợp giá trị đối tượng bảo hiểm không thể xác định trực tiếp bằng thước đo giá cả thị trường thông thường, giá trị sẽ được ước tính bằng các phương pháp thoả thuận thích hợp với từng loại đối tượng bảo hiểm (ví dụ: lợi nhuận trong bảo hiểm gián đoạn kinh doanh, giá trị sản lượng thu hoạch trong bảo hiểm cây trồng hàng năm...)

Giá trị của đối tượng bảo hiểm là một yếu tố cơ bản quyết định đến việc thoả thuận về số tiền bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm. Về nguyên tắc, doanh nghiệp bảo hiểm chỉ chấp nhận giao kết hợp đồng bảo hiểm với số tiền bảo hiểm tối đa là bằng giá trị đối tượng bảo hiểm. Tuy nhiên, trên thực tế vẫn xuất hiện các hiện tượng bảo hiểm trên giá trị bên cạnh bảo hiểm đúng giá trị và bảo hiểm dưới giá trị.

- Nếu số tiền BH nhỏ hơn giá trị BH thì đgl BH dưới giá trị
- Nếu số tiền BH bằng giá trị BH thì đgl BH ngang giá trị
- Nếu số tiền BH lớn hơn giá trị BH thì đgl BH trên giá trị

### 2) Nguyên tắc bồi thường

Để có thể ngăn ngừa trục lợi, bồi thường của hợp đồng bảo hiểm không được tạo ra cơ hội kiếm lời hoặc có lợi bất hợp lý cho các bên liên quan đến sự kiện bảo hiểm. Vì thế, số bồi thường mà người được bảo hiểm có thể nhận được trong mọi trường hợp không lớn hơn thiệt hại của họ trong sự kiện bảo hiểm chính là nội dung của nguyên tắc cơ bản chi phối việc bồi thường mọi hợp đồng bảo hiểm tài sản.

Thông thường việc giải quyết bồi thg cho thiệt hại xảy ra vs tài sản có thể theo 1 trg 3 hình thức:

+) Bồi thg bằng tiền

+) Bồi thg bằng cách sửa chữa khôi phục giá trị sử dụng of tài sản đc áp dụng trg trường hợp tổn thất bộ phận

+ ) Bồi thg bằng cách thay thế mới trong trường hợp tổn thất toàn bộ.

Tuy nhiên hình thức đc sd phổ biến nhất là bồi thg bằng tiền.

Thực hiện nguyên tắc bồi thường đòi hỏi một số biện pháp đi kèm trong những trường hợp đặc biệt, đó là :

- Thế quyền

Thế quyền được sử dụng khi xác định được có người thứ ba phải chịu trách nhiệm đối với thiệt hại của đối tượng trong sự kiện bảo hiểm. Thiệt hại của người được bảo hiểm sẽ liên quan đồng thời tới trách nhiệm bồi thường của hợp đồng bảo hiểm và nghĩa vụ bồi thường theo luật dân sự của người thứ ba. Vì thế, để đảm bảo nguyên tắc bồi thường, người bảo hiểm sau khi bồi thường cho người được bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm được phép thế quyền người được bảo hiểm đòi người thứ ba phần thiệt hại thuộc trách nhiệm của người thứ ba và trong giới hạn số bồi thường mà người bảo hiểm đã trả cho người được bảo hiểm.

Thế quyền được đảm bảo bởi luật pháp và pháp luật cũng quy định kèm theo những trường hợp không được vận dụng thế quyền, chẳng hạn: doanh nghiệp bảo hiểm không được yêu cầu cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của người được bảo hiểm bồi hoàn khoản tiền mà doanh nghiệp bảo hiểm đã trả cho người được bảo hiểm từ trường hợp những người này cố ý gây ra tổn thất.

Nguyên tắc đóng góp: đc áp dụng trong trường hợp Bh trùng. BH trùng là trg hợp cùng một đối tg Bh đc đv bảo vệ bởi nhiều hợp đồng Bh có sự trùng lặp về:

+ ) thời hạn BH

+ ) rủi ro BH

+ ) trùng về phạm vi ko gian BH

+ ) tổng số tiền BH từ các đơn bh lớn hơn gtri của tài sản

Khi có thiệt hại xảy ra rơi vào BH trùng tổng số tiền BH từ tất cả các đơn ko đc vượt quá giá trị thiệt hại của ts. Việc phân chia số tiền bồi thường ở các cty BH trong TH trùng đc tuân theo ngtac đóng góp. Theo đó số tiền bồi thường đc phân bổ dựa trên tỷ lệ về số tiền BH hoặc phí BH

- Ngoài ra BH tài sản thường áp dụng các chế độ Bh nhằm tăng phần trách nhiệm của các chủ t s trong việc thực hiện các biện pháp đề phòng hạn chế tổn thất và giảm chi phí quản lý. Đối với những th hợp giá trị tổn thất là nhỏ chủ tài sản hoàn toàn có thể bù đắp bằng nguồn tài chính của mình. Cụ thể

+ ) BH dưới giá trị

+) Bồi thg theo tỷ lệ: Đây là tr hợp mà số tiền bồi thg đc quy định trc trg đơn BH bằng giá trị thiệt hại thực tế nhân vs tỷ lệ bồi thg đc thỏa thuận trc

+) Chế độ bồi thg theo tổn thất đầu tiên

+) Chế độ miễn thg

**\*\* Chế độ miễn thường trong BHTS:**

DNBH chỉ chịu trách nhiệm đvs những tổn thất mà giá trị thiệt hại thực tế vượt quá 1 mức thỏa thuận gọi là mức miễn thg. Việc áp dụng BH theo mức miễn thg có thể là tự nguyện or bắt buộc. Nếu giữa DNBH và người tham gia BH thỏa thuận sẽ ko bồi thg đvs những tổn thất nhỏ hơn mức miễn thg trên cơ sở tự nguyện thì phí BH sẽ đc giảm bớt phụ thuộc vào mức miễn thg cụ thể. Trg trường hợp miễn thg bắt buộc phí BH sẽ vẫn giữ nguyên. BH theo mức miễn thg ko chỉ tránh cho DNBH phải bồi thg cho những tổn thất quá nhỏ so vs giá trị BH mà còn có ý nghĩa trg việc nâng cao ý thức và trách nhiệm đề phòng hạn chế rủi ro của người đc BH. Có 2 loại miễn thg

+) Miễn thg ko khấu trừ: Bảo đảm chi trả cho những thiệt hại thực tế vượt qua mức miễn thg nhưng số tiền BH sẽ ko bị khấu trừ theo mức miễn thg

+) Miễn thg có khấu trừ: thiệt hại thực tế phải lớn hơn mức miễn thg quy định thì mới đc bồi thg nhưng số tiền Bh sẽ đc khấu trừ theo mức miễn thg này

VD: giả sử tỷ lệ miễn thg=5%

số tiền BH = 500tr => mức miễn thg = 25tr

nếu giá trị thiệt hại nhỏ hơn 25tr (giả sử=20tr) thì người tham gia BH sẽ tự chịu

nếu giá trị thiệt hại lớn hơn 25tr ( giả sử= 100tr)

nếu BH miễn thg ko khấu trừ thì số tiền bồi thg=100tr

nếu Bh miễn thg có khấu trừ thì số tiền bồi thg = 100-25=75tr

**Câu 19: Phân biệt thuật ngữ : giá trị BH, Số tiền BH**

Giá trị bảo hiểm: đc hiểu là giá trị of đối tượng BH. Trg BHTM có 3 nhóm đối tg đc BH là tài sản, trách nhiệm dân sự, con người. Trách nhiệm dân sự là 1 khái niệm trừu tg, chưa đc xđ cụ thể khi ký hợp đồng BH, còn đối tg đc Bh là tính mạng, sức khỏe of con người là vô giá, ko đc đánh giá thành tiền. Do vậy khái niệm giá trị BH ko đc sử dụng trong BHTNDS cũng như trg BH con người mà chỉ đc xem xét trong BHTS

Như vậy giá trị BH chính là giá trị of tài sản đc BH và nó đc lấy làm căn cứ để xđ số tiền BH và phí BH.

Số tiền BH: là khoản tiền để xử lý hợp đồng BH thể hiện giới hạn trách nhiệm của DNBH. Điều đó có nghĩa là trong bất kỳ trường hợp nào số tiền bồi thường hay số tiền chi trả cao nhất của DNBH cũng chỉ bằng số tiền BH

Trường hợp BHTS số tiền BH được xử lý theo 3 trường hợp:

$STBH < GTBH$  : đồng nghĩa BH dưới giá trị

$STBH = GTBH$ : đồng nghĩa BH ngang giá trị

$STBH > GTBH$ : đồng nghĩa BH trên giá trị

Ví dụ: Giá trị BH trong 1 hợp đồng BH vật chất xe ô tô là giá trị của xe ô tô tính vào thời điểm nhận BH. Giả sử chủ xe ô tô chỉ tham gia BH vật chất xe cơ giới cho phần thân vỏ xe thì gọi là tham gia BH dưới giá trị, lúc này số tiền BH sẽ được xử lý căn cứ vào phần thân vỏ xe và sẽ nhỏ hơn giá trị của chiếc xe được BH

\*) Phí BHTM chịu ảnh hưởng của những yếu tố:

Phí BH là số tiền mà người tham gia BH phải trả cho công ty BH để đổi lấy sự bảo đảm trước các rủi ro chuyển sang cho các công ty BH

Cơ cấu phí BH gồm 2 phần:  $P = f + d$

Trong đó: P: Phí BH toàn bộ

f : Phí thuần

d : Phụ phí

Phí thuần là khoản phí phải thu cho phép công ty BH chi trả, bồi thường cho các tổn thất được BH có thể xảy ra. Khoản phí này thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng phí toàn bộ và chịu ảnh hưởng bởi:

- + ) Xác suất xảy ra rủi ro
- + ) Cường độ tổn thất
- + ) Số tiền BH
- + ) Thời hạn BH
- + ) Lãi suất đầu tư

Phụ phí là khoản phí cần thiết để DNBH đảm bảo cho các khoản chi trả hoạt động nghiệp vụ BH:

- + ) Chi hoa hồng
- + ) Chi quản lý hành chính
- + ) Chi đề phòng hạn chế tổn thất
- + ) Chi thuê nhà nước

Câu 20 : Vì sao phải BH hàng hóa XNK bằng đường biển và phân loại theo nghiệp vụ bảo hiểm, tổn thất trong bảo hiểm hàng hải

### 1) Vì sao phải BH hàng hóa XNK bằng đường biển

Vì: Từ thời xa xưa vận tải bằng đường biển đã đóng 1 vai trò quan trọng đặc biệt là trg việc giao lưu buôn bán thg mại giữa các quốc gia vs nhau. Ngày nay vs sự phát triển của khoa học kỹ thuật, of xu hướng toàn cầu hóa, vai trò of vận tải = đường biển càng trở nên quan trọng. Khi có tới khoảng 90% lượng hàng hóa giữa các quốc gia chuyên chở bằng đường biển. Bởi vận tải biển có ưu điểm là : chở đc khối lg lớn, đa chủng loại hàng hóa, cước phí chuyên chở rẻ. Ngoài ra còn góp phần phát triển tốt mối quan hệ vs các nc... Tuy nhiên vận tải bằng đường biển có nhc điểm là : time vận chuyển kéo dài, gặp rất nhiều rủi ro. Các rủi ro này có thể do các yếu tố tự nhiên ( bão, sóng thần, lốc...), yếu tố kỹ thuật ( trục trặc of chính con tàu, kỹ thuật dự báo thời tiết, các tín hiệu điều khiển từ đất liền...), yếu tố xh con người ( cướp biển, thiệt hại do ctranh...). Bên cạnh đó việc ứng cứu rủi ro tai nạn rất khó khăn.

Cùng vs sự phát triển KTXH mỗi chuyến tàu thg có giá trị rất lớn bao gồm giá trị tàu và hàng hóa. Vì vậy nếu rủi ro xảy ra thì giá trị thiệt hại thg rất lớn

Chính vì vậy phải việc mua BH hàng hóa XNK bằng đg biển là sự cần thiết khách quan đến nay đã trở thành tập quán thg mại quốc tế

### 2) Các loại rủi ro:

Có hai cách phân loại: Theo nguồn gốc và phân loại theo điều kiện bảo hiểm

#### 1. PHÂN LOẠI THEO NGUỒN GỐC

- Rủi ro do thiên tai (Act of God) là những rủi ro gây nên những chấn động về địa chất, thay đổi đột ngột về hải lưu, về khí hậu như: Biển động, bão (cấp 8 trở lên), gió lốc, sét đánh, sóng thần, thời tiết xấu và những tai nạn, tai họa tự nhiên khác mà con người không chi phổ được.

- Rủi ro tai nạn bất ngờ ngoài biển (Accidents of the sea): tàu chở hàng hoặc phương tiện vận tải mắc cạn, chìm đắm, bị lật, bị phá hủy hoặc bị tàu mât s tích, cháy nổ hoặc bị đâm va vào phương tiện vận tải khác, đâm va vật thể nổi cố định hoặc vật thể nổi khác trôi trên biển, kể cả băng trôi nhưng không phải là nước, hành động phi pháp của thuyền trưởng và thuyền viên và những tai nạn khác.

- Rủi ro do các nguyên nhân khác:

+ Do lỗi lầm của con người: đóng hàng không chắc chắn, cầu móc làm rách bao hàng, quay tàu làm tàu va vào cầu cảng...

+Do bản thân tính chất hàng hóa: bông gòn, đay, thuốc nổ,... gặp thời tiết nóng bức có khả năng tự phát cháy  
+ Do chiến tranh: Các vũ khí chiến tranh hoặc các vật thả trôi trên biển ( ngư lôi, bom mìn...) hoặc các hành động do chiến tranh gây nên ( cầm giữ, câu lưu, câu thúc...)

+Do đình công, nổi loạn, bạo động gây nên.

## 2 PHÂN LOẠI THEO NGHIỆP VỤ BH

- rủi ro thông thường được BH bao gồm những rủi ro mà công ty BH sẽ chấp nhận nếu chủ hàng có yêu cầu. Trg BHHHXNK vận chuyển bằng đường biển có nhóm 4 rủi ro luôn được BH trả mọi tr hợp đó là : chìm đắm, mắc cạn, đâm va và cháy nổ

- rủi ro loại trừ vĩnh viễn là những rủi ro do hoạt động cố ý và không được BH chấp nhận trả mọi tr hợp

- rủi ro có thể được BH nếu thỏa thuận riêng: Đây là những loại rủi ro thông thường không được BH nhưng nếu có nhu cầu chủ hàng phải thỏa thuận thêm với công ty BH thì cũng có thể được chấp nhận BH nhưng đồng thời phí đóng cũng rất cao

## 3 )Tổn thất trong bảo hiểm hàng hải

a . Căn cứ vào mức độ và quy mô, tổn thất được chia thành hai loại:

\* **Tổn thất bộ phận (partial loss)**

Là sự mất mát một phần đối tượng bảo hiểm thuộc một hợp đồng bảo hiểm. Ví dụ lô hàng 10 tấn đường trong quá trình vận chuyển bị tổn thất 1 tấn.

\* **Tổn thất toàn bộ (total loss)**

Là hàng hóa bảo hiểm bị mất 100% giá trị hoặc giá trị sử dụng. Tổn thất toàn bộ gồm 2 loại:

**Loại 1: Tổn thất toàn bộ thực sự (actual total loss)**

Là tổn thất mà do hàng hóa bị phá hủy hoàn toàn hay bị hư hỏng nghiêm trọng không còn là vật phẩm như cũ hoặc người được bảo hiểm bị tước quyền sở hữu với hàng hóa.

Như vậy tổn thất toàn bộ thực sự có thể là do hàng hóa bảo hiểm bị phá hủy hoàn toàn như cháy hoặc nổ, hay hàng hóa bị hư hỏng nghiêm trọng như gạo hay ngô bị thối do ngâm nước hoặc người được bảo hiểm bị tước hẳn quyền sở hữu đối với hàng hóa như hàng bị mất do mất tích hay do tàu bị đắm.

**Loại 2: Tổn thất toàn bộ ước tính (constructive total loss)**

Là tổn thất về hàng hóa mà không sao tránh khỏi tổn thất toàn bộ thực sự hay những chi phí phải bỏ ra để sửa chữa, khôi phục và đưa hàng hóa về bến đến bằng hoặc vượt quá trị giá hàng hóa.

Tổn thất toàn bộ ước tính gồm 2 dạng:

Dạng thứ nhất là: Chắc chắn tổn thất toàn bộ thực sự sẽ xảy ra, ví dụ một lô ngô được chở từ nước ngoài về Việt Nam, dọc đường ngô bị ngâm nước và bắt đầu thối, nếu cố mang về Việt Nam thì ngô sẽ thối hết, tổn thất toàn bộ thực sự chắc chắn sẽ xảy ra.

Dạng thứ 2 là: Xét về tài chính thì coi là tổn thất toàn bộ, ví dụ vận chuyển sắt thép từ nước ngoài về Việt Nam, dọc đường tàu hỏng máy buộc phải vào Hồng Kông để sửa chữa. Để chữa tàu phải dỡ sắt lên bờ, trong thời gian chữa phải lưu kho lưu bãi sắt

thép, khi chữa xong phải tái xếp sắt thép xuống tàu và đưa sắt thép về Việt Nam. Tổng các chi phí phải bỏ ra trong trường hợp này có thể bằng hoặc lớn hơn trị giá bảo hiểm của sắt thép.

Khi hàng hóa bị tổn thất toàn bộ ước tính, người được bảo hiểm có thể từ bỏ hàng hóa. Từ bỏ hàng hóa là từ bỏ mọi quyền lợi liên quan đến hàng hóa hay là sự tự nguyện của người được bảo hiểm chuyển quyền sở hữu về hàng hóa cho người bảo hiểm để đòi bồi thường toàn bộ. Muốn từ bỏ hàng phải tuân thủ các quy định sau; Một là: Tuyên bố từ bỏ hàng (notice of abandonment – NOA) gửi cho người bảo hiểm bằng văn bản.

Hai là: Chỉ từ bỏ khi hàng hóa còn ở dọc đường và chưa bị tổn thất toàn bộ thực sự.

Ba là: Khi từ bỏ đã được người bảo hiểm chấp nhận thì không thay đổi được nữa, sở hữu về hàng hóa thuộc về người bảo hiểm và người được bảo hiểm được đòi bồi thường toàn bộ.

b. Căn cứ vào quyền lợi và trách nhiệm, tổn thất được chia làm hai loại:

\* **Tổn thất riêng (particular average)**

Là tổn thất của từng quyền lợi bảo hiểm do thiên tai, tai nạn bất ngờ gây nên. Ví dụ, dọc đường tàu bị sét đánh làm hàng hóa của chủ hàng A bị cháy, tổn thất của hàng A là do thiên tai, chủ hàng A phải tự chịu, hoặc đòi công ty bảo hiểm, không được phân bổ tổn thất cho chủ tàu và các chủ hàng khác. Tổn thất trong trường hợp này là tổn thất riêng.

\* **Tổn thất chung (general average)**

Là những thiệt hại xảy ra do những chi phí hoặc hi sinh đặc biệt được tiến hành một cách cố ý và hợp lý nhằm mục đích cứu tàu, hàng hóa và cước phí trong một hành trình chung trên biển khỏi sự nguy hiểm chung đối với chúng.

Tổn thất chung được chia làm 2 bộ phận

Bộ phận thứ nhất: Hy sinh tổn thất chung

Là những thiệt hại hoặc chi phí do hậu quả trực tiếp của một hành động tổn thất chung.

Ví dụ: Tàu gặp bão lớn, buộc phải vớt hàng của chủ hàng A xuống biển để cứu toàn bộ hành trình. Hàng A bị vớt xuống biển là hy sinh tổn thất chung.

Bộ phận thứ 2: Chi phí tổn thất chung

Phải trả cho người thứ ba trong việc cứu tàu, hàng, cước phí thoát nạn hoặc chi phí làm cho tàu tiếp tục hành trình. Những chi phí sau đây được coi là chi phí tổn thất chung; Chi phí tàu ra vào cảng lánh nạn, chi phí lưu kho lưu bãi tại cảng lánh nạn, chi phí tạm thời sửa chữa những hư hại của tàu, chi phí tăng thêm về nhiên liệu... do hậu quả của hành động tổn thất chung.

Câu 21: Hãy so sánh tổn thất chung với tổn thất riêng? Tổn thất riêng với tổn thất bộ phận? tổn thất riêng với tổn thất toàn bộ trong nghiệp vụ bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu vận chuyển bằng đường biển?

Bài làm:

1) So sánh tổn thất chung với tổn thất riêng:

\*) Khái niệm:

- Tồn thất chung là những hy sinh hay chi phí đặc biệt được tiến hành một cách cố ý và hợp lý nhằm mục đích cứu tàu và hàng hóa trên tàu thoát khỏi một sự nguy hiểm chung, thực sự đối với chúng.

- Tồn thất riêng là tồn thất chỉ gây thiệt hại cho một hoặc một số quyền lợi của các chủ hàng và chủ tàu trên một con tàu

\*) Giống nhau: TTC và TTR đều là tồn thất xảy ra trong bảo hiểm hàng hải.

\*) Khác nhau:

Tồn thất chung

Tồn thất riêng

- Nguyên nhân

- Mục đích



- Mức độ tổn thất

- Địa điểm xảy ra

- Bảo hiểm

- Do hành động cố ý của chủ tàu hay chủ hàng trong trường hợp cấp bách.

- Vì sự an toàn chung, các quyền lợi phải tham gia đóng góp tổn thất chung . Phải hy sinh quyền lợi chung của cả nhóm.

-Không có tổn thất toàn bộ.

- Chỉ xảy ra trên biển

Được bồi thường miễn là mua bảo hiểm.

- Do thiên tai tai nạn bất ngờ xảy ra ngoài ý muốn.

- Tổn thất bên nào bên ấy chịu

- Có tổn thất toàn bộ

- Có thể xảy ra trên biển hoặc bất kỳ địa điểm nào khác.

- Được bồi thường phụ thuộc vào điều kiện mua bảo hiểm

*\*)So sánh tổn thất riêng với tổn thất bộ phận:*

Tổn thất trong bảo hiểm hàng hóa XNK là những thiệt hại hư hỏng của hàng hóa được bảo hiểm do rủi ro gây ra.

Căn cứ vào quy mô, mức độ tổn thất có thể chia ra tổn thất bộ phận(TTBP) và tổn thất toàn bộ (TTTB)

TTBP là một phần của đối tượng được bảo hiểm theo một hợp đồng bảo hiểm (HĐBH) bị mất mát, hư hỏng, thiệt hại.TTBP có thể là tổn thất về số lượng, Trọng lượng, thể tích, phẩm chất hoặc giá trị.

TTTB là toàn bộ đối tượng được bảo hiểm theo một HĐBH bị hư hỏng, mất mát, thiệt hại.

Có hai loại TTTB là TTTB thực tế và TTTB ước tính..

\_ TTTB thực tế là toàn bộ đối tượng được bảo hiểm theo một HĐBH bị hư hỏng, mất mát, thiệt hại hoặc bị biến chất, biến dạng không còn như lúc mới được bảo hiểm hay bị mất đi, bị tước đoạt đoạt không lấy lại được nữa. Chỉ có TTTB thực tế trong 4 trường hợp sau:

+ ) Hàng hóa bị hủy hoại hoàn toàn

+ ) Hàng hóa bị tước đoạt không lấy lại được

+ ) Hàng hóa không còn là vật thể bảo hiểm

+ ) Hàng hóa trên tàu mà tàu được tuyên bố là mất tích

\_ TTTB ước tính là trường hợp đối tượng được bảo hiểm bị thiệt hại mất mát chưa tới mức độ TTTB thực tế, nhưng không thể tránh khỏi TTTB thực tế, hoặc nếu bỏ thêm chi phí ra cứu chữa thì chi phí cứu chữa có thể bằng hoặc lớn hơn GTBH.

Câu 22: Điều kiện bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu vận chuyển bằng đường biển? hãy so sánh các điều kiện bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu ra đời năm 1963 với các điều kiện ra đời năm 1982?

*\*) Điều kiện bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu vận chuyển bằng đường biển:*

Điều kiện bảo hiểm là những điều quy định phạm vi trách nhiệm của DNBH đối với tổn thất hàng hóa. Hàng được bảo hiểm theo điều kiện nào, chỉ những rủi ro tổn thất quy định trong điều kiện đó mới được bồi thường. Như vậy, điều kiện bảo hiểm về bản chất là phạm vi bảo hiểm, bao gồm các rủi ro được BH và các rủi ro loại trừ. Dưới đây là các điều kiện bảo hiểm của Viện những người bảo hiểm Luân Đôn.

*Nội dung cơ bản của ICC 1-1-1963*

Điều kiện bảo hiểm miễn TTR

Theo điều kiện bảo hiểm FPA, trách nhiệm bảo hiểm bao gồm

TTTB do thiên tai, tai nạn bất ngờ trên biển hoặc dỡ hàng tại cảng lánh nạn thuộc TTR

TTBP vì thiên tai, tai nạn bất ngờ trên biển hoặc dỡ hàng lánh nạn do rủi ro chính đem lại.

Mất nguyên kiện hàng trong quá trình xếp dỡ, chuyển tải.

Bồi thường các chi phí sau:

+ ) Chi phí góp TTC

+ ) Chi phí cứu nạn

+ ) Chi phí đề phòng hạn chế tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm do người thứ 3 không phải là người tham gia bảo hiểm hay người làm công của họ gây nên.

+ ) Chi phí tố tụng khiếu nại

Để đảm bảo an toàn tài chính tối đa , tùy theo tính chất của loại hàng hóa , người tham gia bảo hiểm theo điều kiện bảo hiểm FBA còn có thể tham gia bảo hiểm các rủi ro phụ: rách vỡ, chảy, cong, hở, bẹp, hấp hơi, lây bẩn, nước mưa, nước biển, han rỉ...

Ngoài ra chủ hàng có trách nhiệm chứng minh tổn thất được rủi ro bảo hiểm.

#### b) Điều kiện bảo hiểm TTR ( WA- with particular average)

Theo điều kiện bảo hiểm TTR , DNBH không những có trách nhiệm về các rủi ro tổn thất và chi phí của điều kiện bảo hiểm FPA mà còn mở rộng thêm TTBP vì thiên tai, tai nạn bất ngờ xảy ra không giới hạn trong bốn rủi ro chính và khi dỡ hàng tại cảng lánh nạn.

DNBH đề ra mức miễn thường và giải quyết theo các nguyên tắc sau:

Không đề cập mức miễn thường tổn thất do rủi ro chính rủi ro chiến tranh, đình công và các rủi ro phụ do con người gây ra.

Không cộng các chi phí để đạt mức miễn thường, chỉ tính tổn thất thực tế.

Được tính các tổn thất liên tiếp xảy ra để đạt mức miễn thường

Người tham gia bảo hiểm có quyền chọn cách tính mức miễn thường có lợi nhất để được bồi thường nhiều hơn.

Vậy so với điều kiện bảo hiểm FPA thì điều kiện bảo hiểm WA có phạm vi bảo hiểm rộng hơn và có áp dụng mức miễn thường.

#### c) Điều kiện bảo hiểm mọi rủi ro ( AR- all risks)

Phạm vi bảo hiểm của điều kiện bảo hiểm AR ngoài các rủi ro tổn thất và chi phí của điều kiện bảo hiểm WA thì còn mở rộng thêm các rủi ro phụ.

DNBH không áp dụng mức miễn thường

Như vậy trong 3 điều kiện bảo hiểm theo ICC 1963, chủ hàng đều có trách nhiệm chứng minh tổn thất là thuộc rủi ro được bảo hiểm. Nhưng điều kiện bảo hiểm AR có phạm vi bảo hiểm rộng nhất, vì vậy người tham gia bảo hiểm không cần tham gia các bảo hiểm rủi ro phụ: điều kiện bảo hiểm AR không phân biệt TTTB và TTBP như 2 điều kiện bảo hiểm FPA và WA. Chỉ điều kiện bảo hiểm WA có áp dụng mức miễn thường.

Nội dung cơ bản của ICC 1-1-1982

#### Điều kiện bảo hiểm C ( ICC C)

Phạm vi bảo hiểm theo điều kiện C bao gồm:

+) Tổn thất hay tổn hại của hàng hóa được bảo hiểm phải chịu theo điều kiện khoản hai tàu đâm va nhau đều có lỗi

Các rủi ro loại trừ bao gồm:

- + ) Tồn thất hay tổn hại do hành vi xấu cố ý của người tham gia bảo hiểm.
- + ) Rò rỉ hao hụt thông thường về trọng lượng , khối lượng hoặc hao mòn tự nhiên của đối tượng được bảo hiểm.
- + ) Do nội tỳ hoặc bản chất của hàng hóa.
- + ) Tồn thất hoặc tổn hại do đóng gói bao bì không đủ điều kiện, không thích hợp.
- + ) Tồn thất hoặc tổn hại mà nguyên nhân trực tiếp là chậm trễ
- + ) Tồn thất hoặc tổn hại do không trả được nợ hoặc thiếu thốn về tài chính của chủ tàu, người quản lý, người thuê tàu hoặc người khai thác tàu.
- + ) Tồn thất hoặc tổn hại do bất việc sử dụng bất kỳ một loại vũ khí chiến tranh nào có dùng phản ứng hạt nhân, phản ứng hóa học, chất phóng xạ....
- + ) Thiệt hại cố ý hoặc sự phá hoại cố ý đối tượng bảo hiểm do hành động phạm pháp của bất kỳ người nào.
- + ) Do tàu không đủ khả năng đi biển, hoặc không thích hợp cho việc vận chuyển hàng hóa mà người tham gia bảo hiểm đã biết tình trạng đó vào lúc hàng hóa được xếp lên phương tiện vận tải.
- + ) Tồn thất xảy ra do chiến tranh nội chiến, bạo loạn, hành động thù địch, tịch thu, bắt giữ, giam cầm...
- + ) Tồn thất do mìn, thủy lôi, bom và các loại vũ khí chiến tranh khác.
- + ) Tồn thất gây ra bởi người đình công, công nhân bị cấm xưởng hoặc những người tham gia gây rối loạn lao động, bạo động hoặc nổi loạn.
- + ) Tồn thất xảy ra do bạo động chính trị , động cơ chính trị.

Trách nhiệm chứng minh tồn thất thuộc về người tham gia bảo hiểm.

#### Điều kiện bảo hiểm B(ICC B)

Theo điều kiện này, ngoài các rủi ro được bảo hiểm theo điều kiện C doanh nghiệp BH còn bồi thường tồn thất hay tổn hại đối với hàng hóa được bảo hiểm do động đất, núi lửa, sét đánh , bị nước biển cuốn trôi khỏi tàu, nước biển, nước song hồ, xâm nhập vào hầm tàu, congtenno hoặc nơi để hàng, tồn thất nguyên kiện trong quá trình xếp dỡ, chuyển tải.

#### Điều kiện bao hiểm A( ICC A)

Đây là điều kiện bảo hiểm có phạm vi rộng nhất, bảo hiểm tất cả những hư hỏng, mất mát của hàng hóa, kể cả rủi ro cướp biển, chỉ trừ những rủi ro loại trừ theo quy định và không áp dụng mức miễn thường.

Trong điều kiện bảo hiểm A, rủi ro cướp biển là phạm vi bảo hiểm rộng hơn điều kiện bảo hiểm AR (ICC 1963)

#### d) Điều kiện bảo hiểm chiến tranh

Theo điều kiện bảo hiểm này, DNBH phải bồi thường những mất mát hư hỏng của hàng hóa do:

Chiến tranh, nội chiến cách mạng, nổi loạn, khởi nghĩa hoặc xung đột vũ trang xảy ra từ những biến cố đó hoặc bất kỳ hành động thù địch nào.

Chiếm đoạt, bắt giữ hoặc kiểm chế hoặc cầm giữ.

Mìn, thủy lôi, bom hoặc các vũ khí chiến tranh khác.

TTC và chi phí cứu nạn

Phạm vi không gian và thời gian bảo hiểm đối với rủi ro chiến tranh hẹp hơn các rủi ro thông thường. Bảo hiểm bắt đầu có hiệu lực khi hàng hóa được xếp lên tàu biển và kết thúc khi được dỡ khỏi tàu tại cảng cuối cùng, tùy theo điều kiện nào xảy ra trước. Nếu có chuyển tải bảo hiểm vẫn có hiệu lực cho đến khi hết hạn 15 ngày kể từ nửa đêm tàu đến cảng chuyển tải.

Đối với rủi ro do mìn và ngư lôi, trách nhiệm của DNBH được mở rộng ra cả khi hàng hóa còn ở trên xà lan để vận chuyển ra tàu hoặc từ tàu vào bờ nhưng không vượt quá 60 ngày kể từ ngày dỡ hàng khỏi tàu, trừ khi có thỏa thuận đặc biệt khác.

#### Điều kiện bảo hiểm đình công

Theo điều kiện bảo hiểm này chỉ bảo hiểm cho những mất mát, hư hỏng của hàng hóa được bảo hiểm do:

Người đình công, công nhân bị cấm xưởng hoặc những người tham gia gây rối loạn lao động, bạo động hoặc nổi dậy.

Hành động khủng bố hoặc vì mục đích chính trị

TTC và chi phí cứu nạn.

DNBH chỉ bồi thường những tổn thất do hành động trực tiếp của người đình công mà không chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hậu quả của đình công.

\*)So sánh các điều kiện bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu ra đời năm 1963 với các điều kiện ra đời năm 1982?

- Giống nhau: đều là những điều quy định phạm vi trách nhiệm của DNBH đối với tổn thất hàng hóa. Hàng được bảo hiểm theo điều kiện nào, chỉ những rủi ro tổn thất quy định trong điều kiện đó mới được bồi thường.

+ Về bản chất: là phạm vi bảo hiểm gồm các rủi ro được bảo hiểm và các rủi ro loại trừ.

Khác nhau: 3 điều kiện C, B, A theo ICC 1982 đều không phân biệt TTTB và TTBP, chủ hàng đều có trách nhiệm chứng minh tổn thất là rủi ro được bảo hiểm. Còn điều kiện bảo hiểm 1963 thì phân biệt TTTB và TTBP.

Điều kiện bảo hiểm C( ICC 1982) không bồi thường tổn thất do mất nguyên kiện.

Điều kiện bảo hiểm A, rủi ro cướp biển là phạm vi bảo hiểm rộng hơn điều kiện bảo hiểm AR ( ICC1963)

Câu 23: Giám định và bồi thường tổn thất trong nghiệp vụ bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu vận chuyển đường biển?

#### *Giám định tổn thất*

Giám định là việc làm của DNBH hoặc người được ủy thác nhằm đánh giá, xác định nguyên nhân, mức độ và trách nhiệm đối với tổn thất của đối tượng được bảo hiểm để làm cơ sở cho việc tính toán bồi thường. Khi hàng hóa được bảo hiểm bị tổn thất (hư hỏng, đồ vỡ thiếu hụt), yêu cầu giám định trong thời gian quy định. Sau khi giám định xong, cán bộ giám định sẽ cấp chứng từ giám định , trong đó có xác định mức độ tổn thất hoặc mức giảm giá trị thương mại của hàng hóa làm cho cơ sở bồi thường.

Giám định được chia:

-Giám định trong khâu khai thác ( đánh giá rủi ro đối tượng bảo hiểm) nhằm mục đích đánh giá về khả năng xác suất rủi ro có thể xảy ra đối với đối tượng bảo hiểm cụ thể. Từ đó đi đến quyết định có chấp nhận bảo hiểm hay không? Và nếu có chấp nhận thì mức phí là bao nhiêu?

- Giám định tổn thất: là việc được thực hiện xác định tổn thất xảy ra rủi ro nào, có thuộc phạm vi bảo hiểm hay không? Mức độ tổn thất là bao nhiêu? Trách nhiệm của các bên có liên quan và đặc biệt là phải đề xuất được phương hướng cứu chữa hàng hay bồi thường có hiệu quả nhất.

- Trong bảo hiểm nói chung, công tác giám định có thể được thực hiện bởi chính nhà bảo hiểm hoặc bởi một công ty bảo hiểm thường tự làm tất giám định nhằm tiết kiệm chi phí.

**\*) Trường hợp**

- Chủ hàng không chấp nhận kết quả giám định của nhà bảo hiểm thì sẽ yêu cầu người giám định độc lập thực hiện giám định lại.

Nếu kết quả giám định lại độc lập giống kết quả giám định của nhà bảo hiểm thì chủ hàng phải trả tiền cho chi phí giám định thuê ngoài, còn nếu có sự sai lệch thì nhà bảo hiểm phải trả tiền cho phù hợp chi phí giám định đó.

- lĩnh vực hàng hóa xuất nhập khẩu thị trường giám định tổn thất hàng hóa là khá phát triển.

**2) Bồi thường tổn thất:**

**a) Trách nhiệm của chủ hàng**

Khi phát hiện thấy tổn thất xảy ra với hàng hóa, chủ hàng phải có trách nhiệm thông báo ngay cho nhà bảo hiểm biết đồng thời thực hiện ngay những biện pháp nhằm hạn chế tổn thất xảy ra thêm. Trên cơ sở biên bản giám định chủ hàng sẽ phải gửi hồ sơ khiếu nại lên nhà bảo hiểm để được yêu cầu bồi thường.

**b) Hồ sơ bồi thường ( hồ sơ khiếu nại tổn thất)**

BHHH xuất nhập khẩu thông thường hồ sơ bao gồm:

Hợp đồng bảo hiểm ( đơn bảo hiểm hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm)

Hợp đồng mua bán xuất nhập khẩu

Vận đơn: các vấn đề liên quan đến việc vận chuyển hàng hóa hành trình tàu. Nhận ký gửi Hàng hóa gửi chủ tàu và các cảng đi đến.

Biên bản xác nhận hàng đồ vỡ hư hỏng mất mát do lỗi của chủ tàu.

Biên bản giám định tổn thất

Kháng nghị hàng hải trong đó chủ hàng chuyển quyền cho nhà bảo hiểm được đòi bên thứ 3 ( ví dụ như chủ tàu chủ cảng) theo nguyên tắc thế quyền

Các chứng từ hóa đơn khác nhằm chứng minh những chi phí tổn thất có liên quan thuộc trách nhiệm của bảo hiểm.

**c)Giải quyết bồi thường**

-Hàng hóa sẽ được bồi thường khi thiệt hại xảy ra do 4 rủi ro chính: chìm đắm, mắc cạn, đâm va, cháy nổ...dù mua theo điều kiện bảo hiểm nào.



- Phần đóng góp TTC được bồi thường trong mọi trường hợp.

- Đối với tổn thất riêng, việc được bồi thường hay không tùy thuộc vào điều kiện bảo hiểm mà chủ hàng tham gia.

Câu 24: khi xác định số tiền bảo hiểm trong nông nghiệp có điểm gì khác với các loại tài sản thông thường khác tham gia bảo hiểm? sự cần thiết và tác dụng của bảo hiểm nông nghiệp

1. khi xác định số tiền bảo hiểm trong nông nghiệp có điểm gì khác với các loại tài sản thông thường khác.

- số tiền bảo hiểm trong bảo hiểm tài sản thông thường: đối tượng của bảo hiểm tài sản thông thường không phải là các thực thể sống nên giá trị của chúng được xác định dễ dàng. Số tiền bảo hiểm được xác định căn cứ vào giá trị bảo hiểm của các loại tài sản đó hay chính là giá trị thị trường của chúng, ngoài ra được tính đến sự biến động giá cả trong suốt thời gian bảo hiểm.

- số tiền bảo hiểm trong nông nghiệp: đối tượng bảo hiểm trong nông nghiệp là các cơ thể sống có giá trị biến đổi theo thời gian việc xác định giá trị của chúng là rất khó khăn. Thường căn cứ vào các giá trị trung bình của các năm trước chứ không phải là giá trị thị trường tại thời điểm mua bảo hiểm như các tài sản khác. Cụ thể:

+ Đối với cây trồng, số tiền bảo hiểm có thể là giá trị của bản thân cây trồng (tính bằng giá trị trung bình của một cây trong một số năm trước) hoặc giá trị sản lượng cây trồng trên một đơn vị bảo hiểm (tính bằng giá trị sản lượng trung bình một số năm trước)

+ đối với vật nuôi: căn cứ vào giá trị trọng lượng xuất chuồng bình quân một số năm trước đó, hoặc giá trị trung bình một số năm trước của bản thân vật nuôi đó, hoặc giá trị sản lượng thực tế thu được bình quân một số năm trước đó.

2. sự cần thiết của bảo hiểm nông nghiệp trong nền kinh tế quốc dân

- vai trò của ngành sản xuất nông nghiệp trong nền kinh tế quốc dân:

Cung cấp lương thực thực phẩm cho con người, đảm bảo an ninh lương thực.

Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm và ngành khác trong nền kinh tế quốc dân tạo tiền đề để công nghiệp hóa.

Tạo công ăn việc làm cho người lao động.

Thị trường tiêu thụ cho các ngành khác.

- trong sản xuất nông nghiệp luôn luôn phải đối mặt với rất nhiều loại rủi ro: do thiên tai, dịch họa, rủi ro do con người.

-hậu quả của rủi ro trong nông nghiệp là rất lớn, mang tính thảm họa và diễn ra trên diện rộng, không những gây khó khăn cho người nông dân và gia đình họ mà còn gây ảnh hưởng trên bình diện xã hội.

- việc chấp nhận rủi ro: lập ra các quỹ dự trữ, dự phòng , hoặc đi vay mượn để khắc phục hậu quả trong nông nghiệp nhìn chung rất khó thực hiện. bởi tiềm lực kinh tế của người nông dân và rủi ro trong nông nghiệp diễn ra trong diện rộng.

⇒cần thiết phải có bảo hiểm nông nghiệp.

### 3.Tác dụng của bảo hiểm nông nghiệp

-ổn định cuộc sống cho người nông dân: khi có rủi ro xảy ra bảo hiểm đền bù những thiệt hại tài chính cho người dân, giúp họ ổn định cuộc sống.

-đem lại sự yên tâm về tinh thần, thoải mái về tâm lý cho người nông dân trước các nguy cơ rủi ro xảy ra gây tổn thất. giúp họ tin tưởng vào hoạt động sản xuất → mạnh dạn vay vốn để đầu tư vào quá trình sản xuất, kinh doanh mở rộng sản xuất thúc đẩy kinh tế phát triển.

-ổn định quá trình sản xuất, góp phần ổn định công việc cho người nông dân→tránh tình trạng sản lượng giảm quá mức→góp phần ổn định an ninh lương thực. Thông qua đó góp phần ổn định giá cả trên thị trường: giá cả của mặt hàng lương thực, thực phẩm, các sản phẩm nông nghiệp chế biến, các ngành công nghiệp lấy nguyên vật liệu từ ngành nông nghiệp..., thúc đẩy các ngành khác phát triển theo.

-góp phần đề phòng, hạn chế rủi ro, giảm thiểu tổn thất: doanh nghiệp bảo hiểm cùng phối hợp với người dân thực hiện các biện pháp đề phòng hạn chế rủi ro, giảm thiểu tổn thất.

-tạo công ăn việc làm cho người lao động( người lao động trong ngành bảo hiểm, người nông dân...)

- nâng cao tinh thần cộng đồng của các thành viên trong xã hội.

-giảm nhẹ gánh nặng ngân sách, góp phần ổn định và tăng ngân sách: thiên tai thường xảy ra ngẫu nhiên, bất ngờ, không ai lường trước được, việc trợ cấp từ ngân sách rất bị động, có thể làm ngân sách mất cân đối và bội chi. Khi có bảo hiểm thì trách nhiệm đền bù thuộc về doanh nghiệp bảo hiểm. do đó, gánh nặng cho ngân sách được giảm thiểu. ngoài ra hằng năm doanh nghiệp bảo hiểm còn phải đóng góp một phần thuế cho ngân sách.

-đảm bảo công bằng và giữ vững an ninh, trật tự xã hội: bảo hiểm thực hiện chức năng chia sẻ rủi ro, phân phối và phân phối lại thu nhập, góp phần đảm bảo công bằng xã hội. khi cuộc sống của người nông dân được đảm bảo thì an ninh trật tự xã hội cũng được đảm bảo theo.

Câu 25: Bản chất của bảo hiểm?Hãy so sánh công ty bảo hiểm với nhóm bảo hiểm quốc tế.

\*)Bản chất của BH:

Là quá trình phân phối lại tổng sản phẩm quốc nội giữa những người tham gia bảo hiểm nhằm đáp ứng những nhu cầu về tài chính phát sinh khi rủi ro hay sự kiện bảo hiểm xảy ra với đối tượng bảo hiểm.

Bản chất của BH còn được thể hiện ở các khía cạnh cụ thể:

-BH là một cơ chế chuyển giao rủi ro từ người mua BH sang nhà BH.

-Mục đích của BH là bù đắp thiệt hại tài chính do rủi ro được BH gây ra cho người tham gia BH.

-Điều kiện để người tham gia BH được nhận bồi thường là phải có rủi ro được BH xảy ra và đóng phí BH.

-Phí BH đóng trước được xác định trên cơ sở luật số lớn(luật “số đông bù số ít”)

Dựa vào số liệu thống kê,theo luật số lớn,nhà BH tính được xác suất rủi ro,từ đó tính phí BH phải đóng trước,đảm bảo để chi trả,bồi thường.

-BH vừa mang tính kinh tế,vừa mang tính xã hội,đồng thời có tính nhân đạo và nhân văn cao cả.

\*)So sánh công ty BH với nhóm BH quốc tế:

Nhóm BH quốc tế(hay thường gọi là hội BH P&I) có những điểm khác cơ bản với công ty BH như sau:

-Hội BH P&I là do các chủ tàu thành lập để tự BH cho mình.

-Hội luôn luôn giúp đỡ các chủ tàu giải quyết tranh chấp với người khiếu nại,bảo lãnh để giải thoát tàu bị bắt giữ bởi người thứ ba có khiếu nại hàng hải đối với chủ tàu.

-Hội cung cấp thông tin cho các chủ tàu như các công ước quốc tế mới nhất,văn bản sửa đổi luật lệ của các nước có liên quan đến trách nhiệm chủ tàu...Hội còn tiến hành đào tạo và bồi dưỡng cán bộ nghiệp vụ cho các chủ tàu

-Hoạt động của hội với mục đích tương hỗ,giups đỡ lẫn nhau giữa các chủ tàu cho nên tài chính của hội thực hiện theo nguyên tắc “cân bằng thu,chi”.

Câu 26:nội dung của bảo hiểm TN so sánh BHTN với BHXH

## I Nội dung của bảo hiểm thất nghiệp

### 1. Đối tượng và phạm vi bảo hiểm

-BHTN là bh bồi thường cho người LĐ bị thiệt hại về thu nhập do bị mất việc làm để họ ổn định cuộc sống và có điều kiện tham gia vào thị trường LĐ

Đây là 1 chính sách nằm trong hệ thống các chính sách kinh tế-xã hội của quốc gia. BHTN là 1 bộ phận của BHXH nhưng vì nhiều lý do khác nhau nó đã dần dần tách khỏi BHXH. Ngày nay, BHTN được coi là 1 trong những chính sách có vai trò to lớn khắc phục tình trạng thất nghiệp

-BHTN cũng là 1 loại hình bảo hiểm con người, song có 1 số điểm khác: ko có hợp đồng trước, người tham gia và người hưởng thụ quyền lợi là 1, ko có việc chuyển rủi ro của những người bị thất nghiệp sang những người khác có khả năng thất nghiệp. BHTN ko có dự báo chính xác về số lượng và phạm vi có thể bị thiệt hại về kinh tế là rất lớn.

-đối tượng của BHTN là thu nhập của người lao động.

-đối tượng tham gia BHTN: là người LĐ và người sd LĐ, đối tượng này rộng hay hẹp phụ thuộc vào điều kiện cụ thể và quy định của từng nước:

+những người làm công ăn lương trong các doanh nghiệp có sự sung một số lượng lao động nhất định

+những người làm việc theo hợp đồng lao động với một thời gian nhất định thường là 1 năm trở lên trong các doanh nghiệp, các cơ quan đoàn thể, các đơn vị hành chính sự nghiệp (nhưng ko phải là công chức và viên chức)

Những công chức, viên chức nhà nước, người LĐ độc lập ko có chủ, người làm thuê theo mùa vụ thường ko thuộc đối tượng tham gia BHTN. Vì hoặc là được nhà nước thuê lâu dài, khả năng thất nghiệp thấp, hoặc là thu nhập khó xác định, khó xác định phí bảo hiểm, thời gian làm việc ko ổn định, thời gian đóng phí bảo hiểm ko đủ. Người sử dụng lao động cũng có nghĩa vụ đóng góp BHTN cho người lao động mà họ sử dụng. Đối tượng tham gia BHTN hẹp hơn rất nhiều so với BHXH.

-Rủi ro thuộc phạm vi BHTN là rủi ro nghề nghiệp, rủi ro việc làm. Điều kiện được hưởng trợ cấp BHTN khá chặt chẽ

+người tham gia bh phải nộp phí bh trong 1 tgian nhất định.

+thất nghiệp ko phải do lỗi của người LĐ.

+phải đăng ký thất nghiệp, đăng ký tìm kiếm việc làm tại cơ quan LĐ có thẩm quyền do nhà nước quy định.

+phải sẵn sàng có việc

+có sổ BHTN để chứng nhận có tham gia đóng phí BHTN đủ thời hạn quy định.Điều này để 1 mặt đảm bảo rằng:chỉ có những người thường xuyên tham gia hoạt động kinh tế mới được xem như bị mất thu nhập

1 mặt để đảm bảo số đóng góp của mỗi người lđ đạt tới một mức tối thiểu trước khi xảy ra thất nghiệp=> góp phần cân đối quỹ tài chính BHTN

2.Quỹ bảo hiểm thất nghiệp và mức trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp

\*quỹ bảo hiểm thất nghiệp:là 1 quỹ tc độc lập tập trung nằm ngoài NSNN.Được hình thành chủ yếu từ 3 nguồn sau đây:

-người tham gia BHTN đóng góp

-người sử dụng lđ đóng góp

-nhà nước bù thiếu

Ngoài ra còn được bổ xung bởi lãi suất đầu tư đem lại từ phần quỹ nhàn rỗi.

Người tham gia BHTN và người sd lđ đóng góp bằng 1 tỷ lệ phần trăm nhất định so với tiền lương và tổng quỹ lương.Tỷ lệ này phụ thuộc chủ yếu vào tỷ lệ thất nghiệp,mức hưởng và thời gian hưởng trợ cấp BHTN cũng như nội dung sử dụng quỹ.Hầu hết các quốc gia quy định mức đóng góp BHTN trong luật tài chính để đảm bảo an toàn và chắc chắn cho quỹ hoạt động

Mặc dù chỉ hỗ trợ 1 phần nhưng nhà nước có 1 nguồn quỹ rất lớn để khắc phục tình trạng thất nghiệp,từ đó góp phần ổn định xã hội,mặt khác,việc nhà nước thay đổi các chính sách kinh tế cũng ảnh hưởng 1 phần đến tỷ lệ TN.

Nhà nước có thể tham gia theo 1 trong 2 hình thức sau:

+đóng góp thường xuyên thông qua việc trích ngân sách hỗ trợ quỹ BHTN

+nhà nước chỉ tham gia với tư cách là người bảo hộ khi đóng góp của người lđ ko đủ bù đắp các khoản chi phí hoặc khi quỹ BHTN có những biến động lớn do lạm phát

Quỹ BHTN được sử dụng chủ yếu để chi trả trợ cấp BHTN.Ngoài ra nó còn được sử dụng cho các hoạt động nhằm đưa người thất nghiệp mau chóng trở lại vị trí làm việc(như:đào tạo và đào tạo lại tay nghề cho người lđ; chi phí tìm kiếm và môi giới việc làm...);chi cho tổ chức hoạt động BHTN...vv

\*mức trợ cấp BHTN

Về nguyên tắc mức trợ cấp TN phải thấp hơn thu nhập của người LĐ khi đang làm việc. Việc xác định mức trợ cấp phải dựa trên cơ sở đảm bảo cho người TN đủ sống ở mức tối thiểu trong thời gian ko có việc làm, đồng thời sao cho họ ko thể lạm dụng để muốn hưởng trợ cấp hơn là đi làm. Vì vậy có 1 số cơ sở sau để xác định mức trợ cấp BHTN:

- mức lương tối thiểu

- mức lương bình quân cá nhân

- mức lương tháng cuối cùng trước khi bị thất nghiệp

Theo TLO, mức trợ cấp BHTN tối thiểu bằng 45% thu nhập trước khi TN

Có 3 phương pháp xác định mức trợ cấp TN sau:

- pp1: xác định theo một tỷ lệ đồng đều cho tất cả mọi người thất nghiệp căn cứ vào mức lương tối thiểu, mức lương b/quân cá nhân, hay mức lương tháng cuối cùng

- pp2: xác định theo tỷ lệ giảm dần so với tiền lương tháng cuối cùng. vd: ở Séc & Hungari quy định

- +3 tháng đầu là 70% lương tháng cuối cùng

- +6 tháng sau là 50% lương tháng cuối cùng

- +3 tháng cuối là 40% lương tháng cuối cùng

- pp3: xác định theo tỷ lệ lũy tiến điều hòa: mức lương thấp thì hưởng tỷ lệ trợ cấp cao, lương cao thì hưởng tỷ lệ trợ cấp thấp nhằm duy trì mức sống tối thiểu, tránh tình trạng lợi dụng BHTN. vd: lương thấp thì tỷ lệ trợ cấp là 80%, lương cao là 50% so với tiền lương tháng cuối cùng của người LĐ trước khi TN

3. Thời gian hưởng trợ cấp BHTN: phụ thuộc chủ yếu vào yếu tố tài chính, vào quỹ bh vào tgian tham gia BHTN, ngoài ra còn phụ thuộc nhiều vào đkktế-xh.

Người LĐ TN được hưởng trợ cấp TN trong 1 tgian ngắn, sau đó có việc làm sẽ ngừng hưởng trợ cấp vì họ đã có lương. Thời gian hưởng trợ cấp tối đa phải được quy định cụ thể, nếu quá thời gian tối đa mà người TN chưa có việc thì vẫn phải ngừng trợ cấp và khi đó họ có thể được trợ giúp từ phía xh. Các nước thường quy định thời hạn trợ cấp từ 3 tháng đến 1 năm, thời gian tạm chờ từ 3-7 ngày đầu TN ko được hưởng trợ cấp. Điều này làm giảm nhẹ tài chính cho quỹ bh và đơn giản hóa khâu quản lý trong trường hợp TN ngắn ngày.

## II So sánh BHTN với BHXH

\*giống nhau:

-xét về bản chất,sự ra đời,tồn tại và phát triển của 2 loại hình bh này đều xuất phát từ những mqh lđ từ nền kt hàng hóa.

-đối tượng của BHTN và BHXH đều là thu nhập của người lao động

-đối tượng tham gia của BHTN và BHXH cũng là người lđ và ng sd lđ

-quỹ BHTN và quỹ BHXH đều được hình thành trên cơ sở: người lđ,người sđlđ và nhà nước bù thiếu,phần quỹ nhàn rỗi được sd để đầu tư nhằm đảm bảo an toàn quỹ.

\*khác nhau:

Bảo hiểm xã hội

Bảo hiểm thất nghiệp

-Mục đích: nhằm thỏa mãn những nhu cầu thiết yếu của người lao động trong trường hợp bị giảm hoặc mất thu nhập,mất việc làm

-đối tượng hưởng trợ cấp: là những người lđ đang làm việc và cả những người nghỉ hưu vv...

-về cách thức giải quyết:BHXH sử dụng những nghiệp vụ thuần túy

-Mục đích: bên cạnh việc trợ giúp tài chính cho người lao động bị thất nghiệp để họ ổn định cuộc sống,BHTN còn có mục đích thứ 2 ko kém phần quan trọng là tìm mọi cách đưa người lao động trở lại thị trường lao động.Tạo điều kiện cho họ có những cơ hội mới về việc làm thông qua tìm kiếm,đào tạo và đào tạo lại...

-đối tượng hưởng trợ cấp:là những người lđ bị thất nghiệp chưa tìm kiếm được việc làm luôn sẵn sàng trở lại làm việc.

-về cách thức giải quyết:BHTN ko phải chỉ có nghiệp vụ thuần túy thu và chi,mà cơ quan BHTN tìm cách để đưa người lđ TN trở lại làm việc.Chẳng hạn,phải nghiên cứu nắm vững các thông tin về thị trường lao động để môi giới,giới thiệu việc làm,đào tạo nghề hoặc tổ chức việc làm cho người thất nghiệp.Thậm chí còn hỗ trợ các doanh nghiệp nhận người TN vào làm việc...

Câu 27: nguyên nhân của bh TN? Đặc điểm của bhtn?triển khai bhtn ở VN hnay theo em có những khó khăn gì?

I nguyên nhân và hậu quả của thất nghiệp:

\* nguyên nhân

Trong nền kinh tế thị trường có rất nhiều ng nhân dẫn đến TN kèm theo nó là những tác động xấu đến nền ktxh.Dưới đây là 1 số nguyên nhân chính:

-chu kỳ kdoanh có thể mở rộng hay thu hẹp do sự điều tiết của thị trường. Khi mở rộng thì thu hút thêm lđ còn khi thu hẹp lại dư thừa lđ,từ đó làm cho cung và cầu trên thị trường sld co giãn,thay đổi phát sinh hiện tượng TN

-do sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật đặc biệt là sự tự động hóa quá trình sx diễn ra nhanh chóng nên trong một chừng mực nhất định máy móc đã thay thế con người.Các nhà sx luôn tìm cách tự động hóa,đưa máy móc vào quá trình sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm,hạ giá thành để cạnh tranh.Số công nhân bị máy móc thay thế lại tiếp tục được bổ sung vào đội quân thất nghiệp.

-sự gia tăng dân số và nguồn lđ cùng với quá trình quốc tế hóa và toàn cầu hóa nền kt cũng có những mặt tác động tiêu cực đến thị trường lđ,làm một bộ phận người lđ bị thất nghiệp,chủ yếu diễn ra ở các nước đang phát triển.Ở những nước này,dân số và nguồn lđ thường tăng nhanh,để hội nhập với nền kt thế giới 1 cách nhanh chóng, họ phải tiến hành cơ cấu lại nền kt,đổi mới và sắp xếp lại các dng.Những dng làm ăn thua lỗ phải giải thể hoặc phá sản, số dng còn lại phải nhanh chóng đầu tư theo chiều sâu,đổi mới thiết bị,công nghệ và sử dụng ít lđ dẫn đến lđ dư thừa.

-do người lđ ko ưa thích công việc đang làm hoặc địa điểm đang làm việc,họ phải đi tìm công việc mới,địa điểm mới.

Những nguyên nhân trên đây làm cho tình trạng thất nghiệp luôn tồn tại.TN ở các nước chỉ khác nhau về mức độ,ko có trường hợp nào tỷ lệ TN bằng 0

\* Hậu quả



TN có ảnh hưởng trực tiếp đến ngld và gia đình họ,tác động mạnh mẽ đến tất cả các vấn đề kt,chính trị,xh của mỗi quốc gia

+đối với nền kt: TN là 1 sự lãng phí nguồn lực xh,là 1 trong những ng nhân cơ bản làm cho nền kt bị đình đốn,chậm phát triển,làm khả năng sx thực tế kém hơn tiềm năng,nghĩa là tổng thu nhập quốc gia(GNI) thực tế sẽ thấp hơn(GNI) tiềm năng.Nếu tình trạng TN gia tăng sẽ kéo theo sự gia tăng của lạm phát,từ đó làm cho nền kt bị suy thoái;khả năng phục hồi chậm.Đối với người TN,thu nhập bị mất đi dẫn đến đời sống khó khăn...

+đối với xh: TN đã làm cho người ld hoang mang,buồn chán,thất vọng tinh thần luôn bị căng thẳng và dẫn tới khủng hoảng lòng tin.Về khía cạnh xh,TN là 1 trong những ng/nhân gây nên những hiện tượng tiêu cực,đẩy người TN đến chỗ bất chấp kỷ cương,luật pháp và đạo đức để tìm kế sinh nhai như:trộm cắp,cờ bạc,mại dâm,tiêm chích ma túy...

+TN gia tăng còn làm cho tình hình chính trị xh bất ổn,hiện tượng bãi công,biểu tình có thể xảy ra.Người ld giảm niềm tin vào chế độ,vào khả năng lãnh đạo của nhà cầm quyền.Tỷ lệ TN là 1 trong những chỉ tiêu đánh giá uy tín của nhà cầm quyền

II đặc điểm của bảo hiểm TN:

BHTN cũng là 1 loại hình bh con người,bồi thường cho người ld bị thiệt hại về thu nhập do bị mất việc làm để họ ổn định cuộc sống và có điều kiện tham gia vào thị trường ld,có các đặc điểm cơ bản của bảo hiểm:

-là quá trình phân phối lại tổng sản phẩm quốc nội giữa những người tham gia bh nhằm đáp ứng nhu cầu về tài chính phát sinh khi rủi ro hay sự kiện bh xảy ra vs đối tượng bh

-phân phối chủ yếu là phân phối ko đền và phần lớn ko mang tính bồi hoàn trực tiếp

-rủi ro và sự tồn tại của rủi ro là nguồn gốc của bh

Song,BHTN cũng có 1 số đặc điểm khác như: không có hợp đồng trước,người tham gia và người thụ hưởng quyền lợi là 1,ko có việc chuyển rủi ro của những người bị thất nghiệp sang những người khác có khả năng thất nghiệp,BHTN ko có dự báo chính xác về số lượng và phạm vi và có thể bị thiệt hại về kt rất lớn,đặc biệt là trong thời kỳ nền kt bị khủng hoảng.

\*những khó khăn khi triển khai BHTN ở VN:

-những hiểu biết của người ld chưa được đầy đủ,một số người ld ko tin tưởng vào việc sẽ được chi trả khi có rủi ro xảy ra

- thủ tục để hưởng trợ cấp thất nghiệp vẫn còn gây khó khăn cho người lđ. Theo phản ánh từ các Sở LĐ-TB&XH, một trong những khó khăn nhất hiện nay là nhiều doanh nghiệp chậm trễ trong việc xác nhận chấm dứt hợp đồng, chốt sổ bảo hiểm cho người lao động, gây đình trệ cho thủ tục hưởng trợ cấp thất nghiệp. Lý do mà nhiều doanh nghiệp không chịu chốt sổ BHXH để chốt sổ vì những lý do như nợ BHXH, chưa coi trọng quyền lợi người lao động...

Câu 28: Nội dung bảo hiểm y tế? Việc sát nhập bảo hiểm y tế và BHXH có những thuận lợi và khó khăn gì?

### 1. Nội dung BHYT

#### a, Khái niệm:

Bảo hiểm y tế là hình thức bảo hiểm được áp dụng trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, không vì mục đích lợi nhuận, do Nhà nước tổ chức thực hiện và các đối tượng có trách nhiệm tham gia theo quy định của Luật BHYT (Trích khoản 1, Điều 2, Luật BHYT). Luật BHYT không áp dụng đối với BHYT mang tính kinh doanh (Trích khoản 3, Điều 1, Luật BHYT).

#### b, Nguyên tắc của bảo hiểm y tế:

Bảo hiểm y tế được thực hiện theo 05 nguyên tắc sau (Trích Điều 3, Luật BHYT):

- Bảo đảm chia sẻ rủi ro giữa những người tham gia BHYT.
- Mức đóng BHYT được xác định theo tỷ lệ phần trăm của tiền lương, tiền công, tiền lương hưu, tiền trợ cấp hoặc mức lương tối thiểu của khu vực hành chính.
- Mức hưởng BHYT theo mức độ bệnh tật, nhóm đối tượng trong phạm vi quyền lợi của người tham gia BHYT.
- Chi phí khám bệnh, chữa bệnh BHYT do quỹ BHYT và người tham gia BHYT cùng chi trả.
- Quỹ BHYT được quản lý tập trung, thống nhất, công khai, minh bạch, bảo đảm cân đối thu, chi và được Nhà nước bảo hộ.

#### c, Cơ quan quản lý và thực hiện bảo hiểm y tế:

+ Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về BHYT được quy định như sau (Trích Điều 5, Luật BHYT):

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về bảo hiểm y tế.
- Bộ Y tế chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về BHYT.

- Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Bộ Y tế thực hiện quản lý nhà nước về BHYT.

- Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về BHYT tại địa phương.

+ Cơ quan thực hiện bảo hiểm y tế:

Luật BHYT quy định Tổ chức BHYT có chức năng thực hiện chế độ, chính sách pháp luật về BHYT, quản lý và sử dụng quỹ BHYT (Trích Khoản 1, Điều 9, Luật BHYT). Theo quy định hiện hành (Trích Điều 1, Nghị định số 94/2008/NĐ-CP), Bảo hiểm Xã hội Việt Nam là cơ quan thuộc Chính phủ, có chức năng tổ chức thực hiện chế độ BHYT.

d, Đối tượng của bảo hiểm y tế:

- Đối tượng bảo hiểm của bảo hiểm y tế là *sức khỏe của người được bảo hiểm*. Có nghĩa là khi người tham gia bảo hiểm y tế gặp các rủi ro về sức khỏe như ốm đau, bệnh tật, tai nạn dẫn đến thương tích, sức khỏe suy giảm, ... thì sẽ được bảo hiểm y tế xem xét chi trả chi phí khám chữa bệnh theo quy định.

- Cần phân biệt giữa hai khái niệm đối tượng bảo hiểm và đối tượng tham gia bảo hiểm y tế. Đối tượng tham gia bảo hiểm y tế là mọi người dân có nhu cầu bảo hiểm y tế cho sức khỏe của mình, hoặc là đại diện cho một tập thể, một đơn vị, một cơ quan đứng ra ký kết hợp đồng BHYT cho tập thể, cơ quan, đơn vị đó.

- Có 2 nhóm đối tượng tham gia BHYT : bắt buộc và tự nguyện. Hình thức bắt buộc áp dụng đối với công nhân viên chức nhà nước và các đối tượng khác. Hình thức tự nguyện áp dụng cho mọi thành viên trong xã hội có nhu cầu bảo hiểm sức khỏe của mình.

e, Phạm vi của BHYT:

- Bảo hiểm y tế là một chính sách xã hội của mọi quốc gia trên thế giới do chính phủ tổ chức thực hiện, nhằm huy động sự đóng góp của mọi tầng lớp trong xã hội để thanh toán chi phí y tế cho người tham gia bảo hiểm.

- Người tham gia bảo hiểm y tế khi gặp rủi ro về sức khỏe được thanh toán chi phí khám chữa bệnh với nhiều mức khác nhau tại các cơ sở y tế.

- Một số loại bệnh mà người đến khám bệnh được ngân sách nhà nước đài thọ theo quy định; cơ quan bảo hiểm y tế không phải chi trả trong các trường hợp này.

f, Phương thức của BHYT:

Dựa trên tiêu chí chi phí khám chữa bệnh cho người có thẻ BHYT, BHYT được chia thành 3 phương thức chính:

BHYT trọn gói

BHYT trọn gói, trừ các đại phẫu.

BHYT thông thường.

## 2. Những thuận lợi và khó khăn khi sát nhập BHYT và BHXH

### A, Thuận lợi

- Thực chất, chế độ khám bệnh chữa bệnh là một trong chín chế độ bảo hiểm xã hội được nhiều nước trên thế giới áp dụng. Chế độ trợ cấp ốm đau, thai sản, tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp, hưu trí, tử tuất và khám bệnh, chữa bệnh có cùng đối tượng áp dụng, mục đích, ý nghĩa nhưng ở nước ta do Bảo hiểm y tế Việt Nam ra đời năm 1992 khi đó chưa thành lập Tổ chức Bảo hiểm xã hội Việt Nam nên gọi tên là Tổ chức Bảo hiểm y tế Việt Nam.

- Việc tách tổ chức bảo hiểm y tế độc lập với cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm y tế (Bộ Y tế) là phù hợp với tinh thần của Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ X, tách chức năng quản lý nhà nước của các Bộ với chức năng của các đơn vị sự nghiệp nhằm giảm bớt sự can thiệp của các cơ quan quản lý nhà nước đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc để đảm bảo tính khách quan và phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, tài chính, nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp;

- Tập trung một đầu mối thống nhất tổ chức quản lý, sử dụng Quỹ bảo hiểm y tế và Quỹ Bảo hiểm xã hội để thực hiện chính sách, chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội phù hợp với tinh thần cải cách hành chính, không làm tăng đầu mối và phình to bộ máy;

- Giúp cho sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và công tác quản lý Nhà nước của các bộ, ngành chức năng về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được tập trung thống nhất vào một đầu mối;

- Bảo đảm tính khách quan trong việc thực hiện chế độ, chính sách về bảo hiểm y tế, tránh được tình trạng “vừa đá bóng, vừa thổi còi”;

- Quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế được bảo đảm;

- Giảm bớt các chi phí quản lý. Theo Nghị định số 58/1998/NĐ-CP thì chi phí quản lý được trích từ Quỹ bảo hiểm y tế là 8%. Từ khi tách Tổ chức Bảo hiểm y tế Việt Nam về Tổ chức Bảo hiểm xã hội Việt Nam thì chi phí quản lý được lấy từ nguồn đầu tư, tăng trưởng của Quỹ. Nếu đưa Quỹ bảo hiểm y tế trở về trực thuộc Bộ Y tế thì chi phí quản lý do ngân sách nhà nước bảo đảm hoặc trích từ Quỹ bảo hiểm y tế. Với bản chất

là Quỹ ngắn hạn (1 năm), nguồn dự trữ của Quỹ BHYT cho đến nay hầu như không có, do đó, khả năng chi phí quản lý được trích từ nguồn đầu tư tăng trưởng của Quỹ là thiếu tính khả thi trong thực tiễn.

- Nguồn ngân sách nhà nước được tập đầu tư cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và phát triển công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của hệ thống bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội từ trung ương xuống địa phương, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kém hiệu quả. Nếu Quỹ bảo hiểm y tế trở về trực thuộc Bộ Y tế thì ngân sách nhà nước phải bỏ ra một khoản tiền rất lớn và đòi hỏi thời gian tương đối dài ít nhất từ 3-5 năm để đầu tư xây dựng trụ sở mới và đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác BHYT cho việc hình thành một tổ chức Y tế độc lập. Việc hình thành một tổ chức BHYT độc lập sẽ làm *“phình to bộ máy”*, tăng biên chế đội ngũ cán bộ quản lý và làm công tác BHYT không phù hợp với tinh thần cải cách hành chính của Chính phủ. Ngoài ra, tách Tổ chức bảo hiểm y tế Việt Nam trở về trực thuộc Bộ Y tế sẽ làm ảnh hưởng đến tính độc lập của các Quỹ khác và là tiền đề cho việc chia sẻ hệ thống Quỹ an ninh xã hội. Quỹ bảo hiểm xã hội sẽ trở về Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và hậu quả sẽ hình thành nhiều Hội đồng quản lý Quỹ nhưng cơ cấu thành viên của các Hội đồng là như nhau (Đại diện Bộ Y tế, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam).

- Bảo hiểm y tế và Tổ chức bảo hiểm xã hội Việt Nam có cùng nhiệm vụ chủ yếu là thu, chi, quản lý quỹ; cùng thực hiện các chế độ, chính sách với cùng một đối tượng có mục đích và ý nghĩa như nhau, nếu tách thành hai tổ chức độc lập tạo ra sự trùng lặp, chồng chéo trong việc thu, chi các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và gây phiền hà cho các cơ quan, đơn vị và người lao động. Việc nhập Tổ chức bảo hiểm y tế vào Tổ chức bảo hiểm xã hội Việt Nam tập trung được đầu mối thu, chi bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế; đơn giản hoá các thủ tục hành chính nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong việc đóng và thực hiện các quyền lợi về bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế. Ngoài ra, các Quỹ được quản lý tập trung, thống nhất; có thể điều tiết linh hoạt, kịp thời giữa Quỹ BHXH với Quỹ BHYT trong trường hợp Quỹ BHYT bị thiếu hụt mà ngân sách nhà nước chưa có khả năng hỗ trợ kịp thời. Trường hợp Quỹ bảo hiểm y tế trực thuộc Bộ Y tế thì khi Quỹ BHYT thiếu hụt sẽ không có sự điều tiết linh hoạt, kịp thời giữa Quỹ BHXH với Quỹ BHYT và lúc này Quỹ BHYT chỉ trông chờ vào sự nỗ lực duy nhất từ nguồn ngân sách nhà nước

## B. Khó khăn

Việc chi trả sẽ gặp nhiều khó khăn do số lượng đối tượng là rộng lớn, từ đó dẫn đến việc lạm dụng quỹ.

Việc quản lý và điều hành gặp phải những khó khăn khi mới sát nhập.

Thủ tục còn nhiều phiền hà, đội ngũ cán bộ chưa được đào tạo phù hợp.

Nếu lúc trước khoản chi cho quản lý phụ thuộc vào khoản lãi đầu tư thì khi sát nhập khoản đó sẽ được Bộ YT chi trả từ đó dẫn đến tình trạng ỷ lại, thiếu trung thực trong việc chi trả.